

THÔNG BÁO
Về việc công bố thông tin

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

- Mã chứng khoán: DNH

- Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

- Điện thoại liên hệ: 0263 728171 Fax: 0263 866457

- Email: phuoctqt@dhd.com.vn; trusochinh@dhd.com.vn

2. Loại thông tin công bố

định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

3. Nội dung thông tin công bố

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (Công ty) công bố thông tin về Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (theo file đính kèm).

4. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại đường dẫn: www.dhd.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CTHĐQT (để b/c);
- Các PTGD;
- BKS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Cường

BIÊN BẢN

Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Tên công ty: Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Mã chứng khoán: DNH

Thời gian: Từ 08 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút ngày 27 tháng 4 năm 2023.

Địa điểm: Hội trường Công ty, 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Phần I

KHAI MẠC ĐẠI HỘI

I. KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

Ông Lê Xuân Phong - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông, cụ thể như sau:

Số cổ đông dự họp đại diện cho 422.212.489 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 99,96% tổng số phiếu biểu quyết.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, sau khi kiểm tra, các cổ đông đều đủ tư cách tham dự Đại hội và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đủ điều kiện tiến hành theo quy định.

II. THÀNH PHẦN ĐOÀN CHỦ TỊCH, THƯ KÝ ĐẠI HỘI, BAN BẦU CỬ VÀ KIỂM TRA KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT

1. Đoàn Chủ tịch

- Ông Lê Văn Quang, Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa đại hội;
- Ông Đặng Văn Cường, Thành viên HĐQT - Thành viên;
- Ông Đỗ Minh Lộc, Thành viên HĐQT - Thành viên.

2. Ban Thư ký

- Ông Nguyễn Ngọc Tuấn, Thư ký HĐQT - Trưởng ban.
- Bà Lê Đặng Hoàng Phương, chuyên viên Phòng Tài chính và Kế toán - Thành viên.

3. Ban bầu cử và kiểm tra kết quả biểu quyết

Đại hội nhất trí thông qua danh sách Ban bầu cử và kiểm tra kết quả biểu quyết với tỷ lệ tán thành 100%, bao gồm các thành viên sau:

- Ông Lê Xuân Phong, Phó Trưởng phòng Tài chính và Kế toán - Trưởng ban;
- Ông Đặng Như Tấn, chuyên viên Phòng Hành chính và Lao động - Thành viên;
- Ông Nguyễn Lê Minh, chuyên viên Phòng Hành chính và Lao động - Thành viên;
- Bà Lê Tạ Hải Lan, chuyên viên Phòng Kế hoạch và Vật tư - Thành viên.

Phần II

NỘI DUNG ĐẠI HỘI

Các Tờ trình và Báo cáo được trình bày tại Đại hội:

1. Ông Đỗ Minh Lộc, Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng giám đốc trình bày Báo cáo số 164/BC-TĐĐHĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Ban Tổng giám đốc về Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2022 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2023.
2. Ông Đặng Văn Cường, Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc trình bày Báo cáo số 161/BC-HĐQT ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị Công ty năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023.
3. Ông Nguyễn Đăng Dung, Trưởng Ban kiểm soát trình bày Báo cáo số 06/TĐĐHĐ-BKS ngày 21 tháng 4 năm 2023 về hoạt động năm 2022 của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên; Tờ trình số 08/TĐĐHĐ-BKS ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Ban kiểm soát về việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.
4. Bà Phạm Thị Hồng Hà, Kế toán trưởng trình bày Tờ trình số 163/TTr-TĐĐHĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng quản trị về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2022; Tờ trình số 165/TTr-TĐĐHĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng quản trị về việc thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022.
5. Ông Trịnh Quang Tiến Phước, Trưởng phòng Hành chính và Lao động trình bày Tờ trình số 162/TTr-TĐĐHĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng quản trị về việc thông qua báo cáo tiền lương thực hiện năm 2022, kế hoạch tiền lương năm 2023 của người quản lý; tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023

của HĐQT, BKS; Tờ trình số 160/TTr-TĐĐHĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng quản trị về việc thay đổi nhân sự thành viên Ban kiểm soát.

Phần III

Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG

Tại Đại hội, Ban tổ chức đã trình bày các Báo cáo, Tờ trình như nội dung ở Phần II. Cổ đông không có ý kiến về các Báo cáo, Tờ trình được trình bày tại Đại hội.

Phần IV

KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT, BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

I. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT

STT	Nội dung biểu quyết	Kết quả	Tỷ lệ
1	Thông qua Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2022 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2023.	- Số cổ phần tán thành: 422.212.489	100%
		- Số cổ phần không tán thành: 0	0%
		- Số cổ phần không có ý kiến: 0	0%
2	Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị Công ty năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.	- Số cổ phần tán thành: 422.212.489	100%
		- Số cổ phần không tán thành: 0	0%
		- Số cổ phần không có ý kiến: 0	0%
3	Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động năm 2022 của Ban kiểm soát.	- Số cổ phần tán thành: 422.212.489	100%
		- Số cổ phần không tán thành: 0	0%
		- Số cổ phần không có ý kiến: 0	0%
4	Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022.	- Số cổ phần tán thành: 422.212.489	100%
		- Số cổ phần không tán thành: 0	0%

STT	Nội dung biểu quyết	Kết quả	Tỷ lệ
		- Số cổ phần không có ý kiến: 0	0%
5	Thông qua Phương án phân chia lợi nhuận năm 2022.	- Số cổ phần tán thành: 422.212.489	100%
		- Số cổ phần không tán thành: 0	0%
		- Số cổ phần không có ý kiến: 0	0%
6	Thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023 của HĐQT và Ban kiểm soát.	- Số cổ phần tán thành: 422.212.489	100%
		- Số cổ phần không tán thành: 0	0%
		- Số cổ phần không có ý kiến: 0	0%
7	Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.	- Số cổ phần tán thành: 422.212.489	100%
		- Số cổ phần không tán thành: 0	0%
		- Số cổ phần không có ý kiến: 0	0%
8	Biểu quyết miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với ông Nguyễn Đăng Dung	- Số cổ phần tán thành: 422.212.489	100%
		- Số cổ phần không tán thành: 0	0%
		- Số cổ phần không có ý kiến: 0	0%
9	Thông qua danh sách đề cử bầu thành viên Ban kiểm soát	- Số cổ phần tán thành: 422.212.489	100%
		- Số cổ phần không tán thành: 0	0%
		- Số cổ phần không có ý kiến: 0	0%

II. KẾT QUẢ BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐÀ MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusoichinh@dhd.com.vn; website: <https://www.dhd.com.vn>

Đại hội tiến hành bầu thành viên Ban kiểm soát, kết quả như sau:

Bà Đinh Hải Ninh trúng cử thành viên Ban kiểm soát với số phiếu là 422.211.489 phiếu, đạt 99,99% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Phần V

THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Trưởng Ban Thư ký trình bày Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Đại hội nhất trí thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Vào lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày, ông Lê Văn Quang - Chủ tọa đã tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2023;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Văn Quang

THƯ KÝ ĐẠI HỘI


Nguyễn Ngọc Tuấn

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2021;

Căn cứ Biên bản số 507/BB-ĐHĐCĐ của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo số 164/BC-TĐĐHĐ của Tổng giám đốc ngày 26 tháng 6 năm 2023 về Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2022 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2023.

Điều 2. Thông qua Báo cáo số 161/BC-HĐQT ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng quản trị về Tình hình quản trị Công ty năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023.

Điều 3. Thông qua Báo cáo số 06/TĐĐHĐ-BKS ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động năm 2022 của Ban kiểm soát.

Điều 4. Thông qua Tờ trình số 08/TĐĐHĐ-BKS ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Ban kiểm soát về việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023. Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty thuộc nhóm Big Four các công ty kiểm toán.

Điều 5. Thông qua Tờ trình số 163/TTr-TĐĐHĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng quản trị về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022.

Điều 6. Thông qua Tờ trình số 165/TTr-TĐĐHĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng quản trị về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022.

Điều 7. Thông qua Tờ trình số 162/TTr-TĐĐHĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng quản trị về việc thông qua báo cáo tiền lương thực hiện năm 2022, kế hoạch tiền

lương năm 2023 của người quản lý; tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023 của HĐQT và Ban kiểm soát.

Điều 8. Thông qua kết quả bầu cử bà Đinh Hải Ninh trúng cử thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

Điều 9. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện theo chức năng nhiệm vụ, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2023;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

**CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Văn Quang**

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2022 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023-
Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Phần I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH (SXKD), ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (ĐT XD) NĂM 2022

I. TÌNH HÌNH THIẾT BỊ

1. Thuận lợi

- Trong năm 2022, Công ty triển khai các giải pháp để thực hiện chủ đề năm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam “**Thích ứng an toàn, linh hoạt, hiệu quả**” gắn liền với việc nâng cao hiệu quả trong SXKD - ĐT XD - Tài chính trong Công ty, kết quả thực hiện vượt kế hoạch về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận và đảm bảo tỷ lệ cổ tức theo kế hoạch đề ra.

- Các tổ máy vận hành an toàn, ổn định và đạt hiệu quả, đáp ứng yêu cầu huy động của Trung tâm điều độ Hệ thống điện Quốc gia (A0), đúng phương thức vận hành của các trung tâm điều độ.

- Thủy văn hồ Đơn Dương tương đối thuận lợi.

2. Khó khăn

- MBA 1T Nhà máy thủy điện (NMTĐ) Đa Mi xảy ra sự cố do hiện tượng phóng điện bên trong MBA, tách ra khỏi vận hành để kiểm tra, sửa chữa từ ngày 23 tháng 4 năm 2022 đến hết ngày 26 tháng 6 năm 2022.

- Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim bị kéo dài tiến độ hoàn thành do các yếu tố khách quan, làm phát sinh một số chi phí liên quan nên phải thực hiện các thủ tục xin cấp thẩm quyền để điều chỉnh tiến độ, cơ cấu nguồn vốn để thực hiện giải ngân và phục vụ công tác quyết toán Dự án.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Tình hình thủy văn

Lưu lượng trung bình nước về các hồ năm 2022 như sau: Hồ Đơn Dương là 28,64 m³/s, cao hơn cùng kỳ 2021 và trung bình nhiều năm (TBNN) (năm 2021: 28,36 m³/s, TBNN: 23,10 m³/s); hồ Hàm Thuận là 46,32 m³/s, thấp hơn cùng kỳ 2021 và TBNN (năm 2021: 56,26 m³/s; TBNN: 51,66 m³/s). Chi tiết như sau:

STT	Nội dung	Hồ Đơn Dương		Hồ Hàm Thuận	
		2021	2022	2021	2022
1	Lưu lượng vào hồ (m ³ /s)	28,36	28,64	56,25	46,32
2	Tần suất (%)	20,0	19,0	30,7	65,0
3	Lưu lượng chạy máy (m ³ /s)	22,84	24,90	50,35	47,83
4	Lưu lượng nước xả trung bình (m ³ /s)	4,98	3,27	2,92	1,34
	<i>Xả dòng chảy tối thiểu</i>	<i>2,10</i>	<i>1,92</i>	<i>1,26</i>	<i>1,34</i>
5	Tổng lượng nước xả (tr. m ³)	136,27	103,14	92,85	42,17
	<i>Xả dòng chảy tối thiểu</i>	<i>66,23</i>	<i>60,64</i>	<i>39,58</i>	<i>42,17</i>
6	Mức nước hồ đầu kỳ (m)	1042,00	1042,20	601,65	605,02
7	Mức nước hồ cuối kỳ (m)	1042,20	1042,06	605,02	600,11

2. Công tác sản xuất điện

Kế hoạch (KH) sản lượng năm 2022 là 2.463 triệu kWh, thực hiện (TH) 3.105,5 triệu kWh, đạt 126,1% kế hoạch. Chi tiết như sau:

STT	Nội dung	KH 2022	TH 2022	TH/KH (%)
1	Sản lượng điện sản xuất (Tr.kWh)	2.463,0	3.105,5	126,09
	- Thủy điện	2.400,3	3.039,4	126,63
	- Điện mặt trời (*)	62,7	66,1	105,46
2	Sản lượng điện thương phẩm (Tr.kWh)	2.443,0	3.083,7	126,22
	- Thủy điện	2.380,8	2.018,2	126,77
	- Điện mặt trời (*)	62,2	65,5	105,45

(*) Sản lượng điện mặt trời bị cắt giảm là 2,15 triệu kWh, tương ứng 3,27 % so với SLD thực phát

3. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2022	TH 2022	TH/KH (%)
1	Tỉ lệ điện dùng cho SXĐ (%)	%	≤ 0,84	0,72	85,71
2	Hệ số khả dụng (%)	%	≥ 95,64	95,97	100,35
3	Tỉ lệ dừng máy sự cố (%)	%	≤ 0,5	0,26	52,00
4	Tỉ lệ dừng máy bảo dưỡng (%)	%	≤ 3,86	3,77	97,67

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đều đạt kế hoạch. Tình hình thiết bị tại các nhà máy như sau:

- a) Nhà máy Thủy điện Đa Nhim: Không có sự cố.
- b) Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận: Không có sự cố.
- c) Nhà máy Thủy điện Đa Mi: Có 02 sự cố.

- Vào lúc 16 giờ 59 phút ngày 23 tháng 4 năm 2022, xảy ra sự cố máy biến thế 1T Nhà máy Thủy điện Đa Mi do phóng điện làm hư hỏng các cuộn dây 230kV phải dừng tổ máy H1 Đa Mi để sửa chữa MBA đến ngày 26 tháng 6 năm 2022.

- Vào 15 giờ 54 ngày 23 tháng 7 năm 2022 tổ máy H2 Đa Mi ngừng do sự cố 87T MBA T2 tác động ngoài vùng bảo vệ của MBA khi xảy ra sự cố bên ngoài đường dây 110kV Hàm Thuận - Điện mặt trời Đa Mi.

- d) Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi: Không có sự cố.

2. Công tác sửa chữa tài sản cố định (TSCĐ)

- Trong năm 2022, Công ty đăng ký 11 hạng mục thực hiện trong năm 2022 và 01 hạng mục thực hiện trong 2 năm (2022-2023) với tổng giá trị giải ngân 58.425 triệu đồng. Đã thực hiện hoàn tất 11 với giá trị giải ngân là 55.959 triệu đồng, đạt 95,78% kế hoạch.

- Giá trị kế hoạch hoạch toán vào chi phí năm 2022 là 38.730 triệu đồng, thực hiện năm 2022 là 30.810 triệu đồng đạt 79,55% so với kế hoạch năm. Giá trị hạch toán vào chi phí thấp do giảm giá trong quá trình đấu thầu.

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Nội dung	KH 2022 (triệu đồng)	TH 2022 (triệu đồng)	TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	2.191.059	2.820.006	128,71
	- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh điện (bao gồm lãi tiền gửi)	2.170.075	2.754.640	126,94
	<i>Trong đó: Lãi tiền gửi</i>	<i>70.000</i>	<i>105.911</i>	<i>151,30</i>
	- Doanh thu hoạt động tài chính	14.084	33.426	237,33

	- Doanh thu khác	6.900	31.940	462,90
2	Tổng chi phí	1.079.983	1.017.781	94,24
	- Chi phí hoạt động sản xuất điện (gồm các khoản làm tăng giảm giá điện)	1.073.773	1.003.346	93,44
	<i>Trong đó: Lỗ/Lãi (Chênh lệch tỉ giá)</i>	<i>-74.957</i>	<i>69.118</i>	<i>-</i>
	- Chi phí hoạt động tài chính	-	-	-
	- Chi phí khác	6.210	14.435	232,45
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.111.076	1.802.225	162,21
	- Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh điện	1.096.302	1.751.294	159,75
	- Lợi nhuận hoạt động tài chính	14.084	33.426	237,33
	- Lợi nhuận khác	690	17.505	2.536,96
4	Lợi nhuận sau thuế	888.861	1.480.119	166,52
5	Cổ tức (%)	20	34	170,00

III. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

1. Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim

a) Công tác giải ngân

- Trong năm 2022, Công ty đăng ký kế hoạch giải ngân là 43.748 triệu đồng, thực hiện năm 2022 là 12.764 triệu đồng, đạt 29,18%. Chi tiết như sau:

DVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	KH 2022	TH 2022	TH/KH (%)
1	Vốn vay	-	-	-
2	Vốn đối ứng	43.748	12.764	29,18
	Tổng cộng	43.748	12.764	29,18

- Giá trị giải ngân thấp do các nguyên nhân khách quan sau:

+ Chưa thanh toán chi phí Tư vấn giám sát thực hiện trong giai đoạn thi công khoan nổ khoảng 26.127 triệu đồng trong năm phải chuyển tiếp sang năm 2023;

+ Chưa thanh toán chi phí Công tác lập và thẩm tra Báo cáo kéo dài khoảng 749 triệu đồng;

+ Lập kết hoạch giải ngân Gói số 01 - (DNE-A1): Khảo sát, lập TKKT- Tổng dự toán và HSMT- Tổng dự toán và HSMT năm 2022 là 3,2 tỷ trùng lặp một phần công việc đã nghiệm thu năm 2021 nên trong năm 2022 chỉ giải ngân được 445 triệu đồng.

b) Tình hình thực hiện đến tháng 4 năm 2023

- Đã cam kết với nhà thầu Tư vấn giám sát (TVGS) sẽ chi trả chi phí giám sát trong thời gian thi công khoan nổ đường hầm (929m) để TVGS tiếp tục thực hiện công việc.

- Phối hợp TVGS và Nhà thầu giải quyết các tồn tại chậm tiến độ Hợp đồng số 368/DHD-CC47 ngày 09 tháng 12 năm 2015 làm cơ sở gia hạn thời gian tranh chấp.

- Hoàn thành Báo cáo quyết toán dự án đợt 1.

- Đã hoàn thành các nghĩa vụ xử lý tài chính theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

- Đã hiệu chỉnh Báo cáo cập nhật, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi (BCNCKT) trình cấp thẩm quyền để điều chỉnh tiến độ dự án làm cơ sở điều chỉnh Quyết định đầu tư.

2. Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi

a) Công tác giải ngân

Trong năm 2022, Công ty đăng ký kế hoạch giải ngân là 386 triệu đồng, thực hiện cả năm 2022 là 191 triệu đồng, đạt 49,5% kế hoạch năm. Chi tiết như sau:

DVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	KH 2022	TH 2022	TH/KH (%)
1	Vốn vay	-	-	-
2	Vốn đối ứng	386,0	191	49,5
	Tổng cộng	386,0	191	49,5 (*)

(*) Giá trị giải ngân thấp hơn kế hoạch do giảm chi phí kiểm tra hết hạn bảo hành của Tư vấn quản lý dự án và Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật thực hiện từ xa.

b) Tình hình thực hiện

- Kết thúc công tác bảo hành gói thầu DMS-8 và DMS-9.

- Hoàn thành công tác quyết toán toàn bộ dự án.

3. Công tác mua sắm tài sản cố định

a) Đầu tư phát triển (ĐTPT)

Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện 22 hạng mục (gồm 01 hạng mục phát sinh) với tổng giá trị kế hoạch đăng ký là 35.638 triệu đồng, thực hiện là 8.321 triệu đồng đạt 23,3% so với kế hoạch. Giá trị giải ngân thấp do:

- Công tác thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị lựa chọn nhà thầu kéo dài hơn so với kế hoạch. Do đó, trong năm 2022 chỉ thực hiện giải ngân chi phí cho tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật. Các công tác còn lại (phát hành hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà thầu cung cấp, lắp đặt, nghiệm thu hoàn thành) sẽ thực hiện chuyển tiếp sang năm 2023.

- Hạng mục hệ thống giám sát trực tuyến MBA NMTĐ Đa Mi chưa thực hiện giải ngân, Tổng công ty đã có văn bản thông qua kết quả đánh giá HSĐXKT tại văn bản số 100/EVNGENCO1-TH ngày 21 tháng 01 năm 2023. Đã kết hợp đồng ngày 05 tháng 4 năm 2023.

b) Khấu hao cơ bản (KHCB)

Trong năm 2022, Công ty đăng ký 01 hạng mục (mua 2 MBA Đa Mi) với tổng giá trị kế hoạch giải ngân là 16.143 triệu đồng (dự kiến tạm ứng 20% giá trị hợp đồng), Tổng công ty đã có văn bản thông qua kết quả đánh giá HSĐXKT tại văn bản số 100/EVNGENCO1-TH ngày 21 tháng 01 năm 2023. Đã kết hợp đồng ngày 05 tháng 4 năm 2023.

IV. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, GÓP VỐN, MUA CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

1. Kết quả sản xuất kinh doanh của các công ty có vốn góp của Công ty

STT	Tên công ty	Giá trị vốn góp cuối kỳ (Trđ)	Tỷ lệ vốn góp (%)	LNST kế hoạch (Trđ)	LNST thực hiện (Trđ)	Giá trị vốn góp cuối kỳ (Trđ)
1	CTCP Thủy điện Hạ Sông Pha	112.000	70	19.280	25.548	112.000
2	CTCP Phong điện Thuận Bình	100.000	20	139.059	100.339	100.000
3	CTCP Thủy điện A Vương	24.560	3	104.672	582.282	24.560
4	CTCP Thủy điện Sông Ba Hạ	12.800	1	128.796	642.181	12.800

Nhìn chung, tình hình sản xuất kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết và các công ty có vốn góp của Công ty trong năm 2022 đều có kết quả thuận lợi, lợi nhuận sau thuế đều vượt so với kế hoạch. Các công ty thủy điện có kết quả kinh doanh tốt chủ yếu do tình hình thủy văn trong năm qua tương đối thuận lợi. Riêng Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình lợi nhuận thấp hơn kế hoạch giá thấp so với trung bình nhiều năm trước, thấp hơn so với thiết kế và sản lượng bị cắt giảm do quá tải đường dây.

2. Lãi tiền gửi, cho vay

Trong năm, Công ty theo dõi chặt chẽ dòng tiền, gửi tiết kiệm có kỳ hạn với lãi suất tùy theo thời điểm, lãi suất giao động từ 5,1% đến 6,3%/năm và khoản cho Tổng công ty vay với lãi suất bình quân là 7,4%. Lãi tiền gửi, tiền cho vay trong năm là 105.911 triệu đồng.

Phần II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ DÀI HẠN

1. Hoàn thành Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - giai đoạn 2 với công suất 80MW.

2. Tiến hành cải tạo, nâng cấp hệ thống thiết bị các nhà máy thủy điện Đa Mi, Đa Nhim.

Phần III

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2023

I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH

1. Mực nước hồ Hàm Thuận cuối năm 2022 thấp hơn mực nước dâng bình thường 4,9m (600,1m/605,0m).

2. Khối lượng công tác sửa chữa, nâng cấp, thay thế hệ thống thiết bị rất lớn như: Sửa chữa thay thế hệ thống điều khiển NMTĐ Đa Mi (giai đoạn 2); Nâng cấp hệ thống điều khiển trạm GIS Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận, Hệ thống thiết bị trung tâm điều khiển OCC, hệ thống điều tốc Sông Pha và thay thế 2 máy biến áp chính Nhà máy Thủy điện Đa Mi... đòi hỏi phải tập trung nhiều nguồn lực để hoàn thành theo kế hoạch đề ra.

II. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT ĐIỆN

1. Sản lượng điện

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch
1	Sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	2.884
	- Thủy điện	Triệu kWh	2.818
	- Điện Mặt trời	Triệu kWh	66
2	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	2.860,5
	- Thủy điện	Triệu kWh	2.794,8
	- Điện Mặt trời	Triệu kWh	65,7

2. Chỉ tiêu về doanh thu và giá bán điện tăng thêm

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Đa Nhim	Hàm Thuận	Đa Mi
1	Giá bán điện trên thị trường giao ngay tăng thêm (ΔG)	đ/kWh	70,9	70,9	70,9
2	Doanh thu tăng thêm trên thị trường điện (ΔD)	Tỉ đồng	105,49	66,22	41,13

3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Tỷ lệ điện tự dùng	%	0,84
2	Hệ số khả dụng	%	94,94
3	Tỷ lệ dừng máy sự cố	%	0,50 (Mùa khô) 0,00 (Mùa mưa)
4	Hệ số dừng máy bảo dưỡng	%	4,56

III. CÔNG TÁC BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA

1. Sửa chữa lớn

Công ty đăng ký kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 gồm 7 hạng mục công trình (6 hạng mục công trình đăng ký mới và 01 hạng mục công trình chuyển tiếp từ năm 2022) với tổng giá trị là 43.358 triệu đồng và giá trị hạch toán vào chi phí trong năm 2023 là 26.300 triệu đồng.

2. Sửa chữa thường xuyên

- Sửa chữa thường xuyên tự làm: Công ty đăng ký kế hoạch sửa chữa thường xuyên năm 2023 gồm 17 hạng mục với tổng số tiền là 12.551 triệu đồng.

- Sửa chữa thường xuyên phân thuê ngoài: Công ty đăng ký kế hoạch sửa chữa thường xuyên năm 2023 gồm 21 hạng mục với tổng số tiền là 23.043 triệu đồng.

IV. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	2.263.379
	- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh điện (bao gồm lãi tiền gửi)	Tr.đồng	2.226.990
	<i>Lãi tiền gửi</i>	Tr.đồng	80.000
	- Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đồng	26.989
	- Doanh thu khác	Tr.đồng	9.400
2	Tổng chi phí	Tr.đồng	1.191.093

	- Chi phí hoạt động sản xuất điện (gồm các khoản làm tăng giảm giá điện)	Tr.đồng	1.182.633
	<i>Trong đó: Lỗ/Lãi (Chênh lệch tỉ giá)</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>-103.948</i>
	- Chi phí hoạt động tài chính	Tr.đồng	-
	- Chi phí khác	Tr.đồng	8.460
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	1.072.286
	- Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh điện	Tr.đồng	1.044.357
	- Lợi nhuận hoạt động tài chính	Tr.đồng	26.989
	- Lợi nhuận khác	Tr.đồng	940
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	857.829
5	Cổ tức	%	20

V. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Trong năm 2023, Công ty đăng ký kế hoạch giải ngân Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim là 81.152 triệu đồng.

2. Mua sắm tài sản cố định

- Đầu tư phát triển: 83.797 triệu đồng.
- Khấu hao cơ bản: 80.715 triệu đồng.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2022 và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2023 của Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để b/c);
- Ban KS;
- Lưu: VT, KHVT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Cường



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusochinh@dhd.com.vn; Website: <https://www.dhd.com.vn>

Phụ lục I
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SỬA CHỮA LỚN NĂM 2022
(Kèm theo Báo cáo số /BC-TĐDDH ngày tháng 3 năm 2023 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi)

STT	Hạng mục công trình	Quyết định	Giá trị kế hoạch				Giá trị Quyết toán	Thực hiện năm 2022		Tình hình thực hiện
			Năm 2022	Năm 2023	Tổng	Hạch toán chi phí		Giải ngân	Hạch toán	
	SỬA CHỮA LỚN		58,425	10,138	-	38,730	41,519	55,959	30,810	
A	Công trình chuyển tiếp từ năm 2021		29,043	10,138	-	9,348	16,773	31,213	6,064	
1	Tổ máy và sân phân phối - Tổ máy H2 nhà máy thủy điện Đa Mi	598/QĐ-TĐDDH ngày 23/10/2020	14,005			9,210	16,773	11,817	5,921	Hoàn tất
2	Tổ máy và sân phân phối - Hệ thống DCS Nhà máy Thủy điện Đa Mi	599/QĐ-TĐDDH ngày 23/10/2020	15,038	10,138		138		19,396	143	- Thực hiện hoàn tất tổ máy H2 Đa Mi trong tháng 12 năm 2022. - Thực hiện hoàn tất tổ máy H1 Đa Mi trong tháng 2 năm 2023. - Đang thực hiện nâng cấp hệ thống điều khiển tự động dự kiến 20/3/2023 hoàn tất. - Dự kiến tháng 4/2023 thực hiện hoàn tất.
B	Công trình kế hoạch đăng ký mới năm 2022		29,382	-	-	29,382	24,746	24,746	24,746	
	Tổ máy và sân phân phối - Hệ thống thiết bị trạm phân phối điện Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận	438/QĐ-TĐDDH ngày 09/9/2021	2,378			2,378	2,034	2,034	2,034	Hoàn tất
	Tổ máy và sân phân phối - Hệ thống thiết bị trạm phân phối điện Nhà máy Thủy điện Đa Mi	441/QĐ-TĐDDH ngày 10/9/2021	793			793	670	670	670	Hoàn tất
	Thiết bị phụ trợ khác - Hệ thống thiết bị phụ dịch Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận	442/QĐ-TĐDDH ngày 10/9/2021	3,308			3,308	2,518	2,518	2,518	Hoàn tất
	Thiết bị phụ trợ khác - Hệ thống thiết bị phụ dịch Nhà máy Thủy điện Đa Mi	443/QĐ-TĐDDH ngày 10/9/2021	1,436			1,436	1,427	1,427	1,427	Hoàn tất
	Thiết bị phụ trợ khác - Hệ thống thiết bị điện và nước khu Văn phòng Bảo Lộc	445/QĐ-TĐDDH ngày 10/9/2021	941			941	854	854	854	Hoàn tất
	Khu vận hành sửa chữa Bảo Lộc - Nhà trực vận hành N	448/QĐ-TĐDDH ngày 10/9/2021	4,487			4,487	3,989	3,989	3,989	Hoàn tất
	Đường vận hành và kiến trúc Nhà máy Thủy Điện Hàm Thuận	444/QĐ-TĐDDH ngày 10/9/2021	3,463			3,463	2,961	2,961	2,961	Hoàn tất
	Hệ thống giao thông nội bộ công trình - Đường vận hành nội bộ Đa Mi	446/QĐ-TĐDDH ngày 10/9/2021	4,315			4,315	3,479	3,479	3,479	Hoàn tất
	Đường vận hành Hầm 1 Đa Nhim	447/QĐ-TĐDDH ngày 10/9/2021	3,897			3,897	3,266	3,266	3,266	Hoàn tất
	Đường vận hành Hầm 3 Đa Nhim	449/QĐ-TĐDDH ngày 10/9/2021	4,364			4,364	3,549	3,549	3,549	Hoàn tất

Phụ lục II

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG - ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số /BC-TĐDHĐ ngày tháng 3 năm 2023 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi)

ĐVT: triệu đồng

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Kế hoạch 2022	Thực hiện	TH/KH	Tình hình thực hiện
	Tổng cộng				95,915	21,276	22.2%	
I	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG				44,134	12,955	29.4%	
1	Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim	DA	1		43,748	12,764	29.2%	
	Vốn vay				-	-		
	Vốn đối ứng				43,748	12,764	29.2%	
2	Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	DA	1		386	191	49.5%	
	Vốn vay				0	0		
	Vốn đối ứng				386	191	49.5%	
II	KẾ HOẠCH MUA SẴM TSCĐ BẰNG VỐN ĐTPT				35,638	8,321	23.3%	
I	Danh mục chuyển tiếp				7,168	695	9.7%	
1	Nâng cấp hệ thống điều khiển trạm GIS Hàm Thuận	HT	1	18,050	3,610	695	0.0%	
2	Hệ thống giám sát trực tuyến các MBA chính NMTĐ Đa Mi	HT	2	8,894	3,558	-	-	
II	Danh mục đăng ký mới				28,470.0	7,625.7	26.8%	
1	Trung tâm OCC - Cài tạo, nâng cấp Hệ thống thiết bị trung tâm điều khiển OCC, hệ thống mạng bảo mật hệ thống điều khiển và thị trường điện	HT	1	14,290	2,858	234	8.2%	
2	Hợp bộ thí nghiệm TU, TI	Bộ	1	1,800	1,800	1,792	99.6%	
3	Máy dò tìm chạm đất hệ thống điện DC	Máy	1	880	880	871	99.0%	
4	Hợp bộ thí nghiệm MBA TESTRANO 600	Bộ	1	2,000	2,000	1,980	99.0%	
5	Máy đo điện trở 1 chiều	Máy	1	580	580	564	97.3%	
6	Bộ rút chân không, nạp khí SF6 lưu động	Bộ	1	680.0	680	673	99.0%	
7	Máy hàn sợi cáp quang	Máy	1	86.0	86	93	107.9%	
8	Máy đo cáp quang	Máy	1	128.0	128	138	107.8%	
9	Xe nâng bán tự động	Xe	1	60.0	60	59	99.0%	
10	Máy photocopy	Máy	2	56.0	112	107	95.5%	
11	Bơm nước chữa cháy bằng động cơ xăng	Cái	1	297.0	297	293	98.7%	
12	Thiết bị đo độ đục online	Cái	1	108.0	108	107	99.0%	
13	Máy đo áp lực đập Hàm Thuận	Máy	1	98	98	97	99.0%	
14	Nâng cấp, thay thế hệ thống hội nghị truyền hình các phòng họp tại Công ty	HT	1	3,799	3,799	63	1.7%	
15	Hệ thống cảnh báo lũ hạ du hồ Đơn Dương	HT	1	1,479	1,479	25	1.7%	
16	Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán hạng mục “Cửa van sửa chữa đập tràn Đơn Dương”	Gói	1	1,197	1,197	-	-	
17	Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán hạng mục “Ổng piezometer đo đường bão hòa thấm trong thân đập Hàm Thuận và Đa Mi”	Gói	1	7,500	7,500	-	-	
18	Nâng cấp, thay thế, trang bị mới thiết bị CNTT đảm bảo hạ tầng phục vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025	Gói	1	4,808	4,808	80	1.7%	
19	Cung cấp phần mềm quản lý kiểm kê vật tư thiết bị bằng QR CODE tích hợp ERP	Gói	1	449		449	-	
III	KẾ HOẠCH MUA SẴM TSCĐ BẰNG VỐN KHCB				16,143	-	-	
1	Máy biến áp chính Nhà máy Thủy điện Đa Mi	Bộ	2	40,358	16,143	-	-	

Phụ lục III

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TÀI CHÍNH NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023

STT	Nội dung	Kế hoạch 2022	TH năm 2022	Tỉ lệ TH/KH năm 2022(%)	Kế hoạch 2023
I	Tổng doanh thu	2,191,059	2,820,006	128.71	2,263,379
1	DT HĐ SXKD chính (SX điện) (bao gồm lãi tiền gửi)	2,170,075	2,754,640	126.94	2,226,990
	Trong đó: Lãi tiền gửi	70,000	105,911	151.30	80,000
2	DT hoạt động tài chính	14,084	33,426	237.33	26,989
3	DT khác	6,900	31,940	462.90	9,400
II	Tổng chi phí	1,079,983	1,017,781	94.24	1,191,093
1	CP HĐ sản xuất điện (gồm các khoản làm tăng giảm giá điện)	1,073,773	1,003,346	93.44	1,182,633
	Trong đó: Lãi (Lỗ CLTG)	-74,957	69,118	-92.21	-103,948
2	CP HĐ tài chính		0		
3	CP khác	6,210	14,435	232.45	8,460
III	Tổng LN trước thuế	1,111,076	1,802,225	162.21	1,072,286
1	LN HĐ SXKD điện	1,096,302	1,751,294	159.75	1,044,357
2	LN HĐ tài chính	14,084	33,426	237.33	26,989
3	LN khác	690	17,505	2,536.96	940
IV	Lợi nhuận sau thuế	888,861	1,480,119	166.52	857,829
V	Cổ tức	20%	34%	170.00	20%

Phụ lục IV
BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Thực hiện năm 2022	So sánh tỷ lệ TH/KH (%)
1	Sản lượng điện SX	Tr. kWh	2,463	3,105	126.06
2	Tự dùng, tổn thất	Tr. kWh	20	24	120.00
3	Sản lượng điện giao, bán cho EVN	Tr. kWh	2,443	3,084	126.22
4	Giá bán điện	Đ/kWh	860	859	99.92
5	Doanh thu	Tr.đồng	2,170,075	2,754,640	126.94
	Doanh thu bán điện	Tr.đồng	2,100,075	2,648,729	126.13
	Doanh thu HĐTC (lãi tiền gửi)	Tr.đồng	70,000	105,911	151.30
	Doanh thu khác	Tr.đồng			
6	Chi phí	Tr.đồng	998,816	1,072,464	107.37
	Nhiên liệu	Tr.đồng			
	Vật liệu	Tr.đồng	11,865	16,881	142.28
	Lương và BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	Tr.đồng	121,483	127,741	105.15
	- Lương	Tr.đồng	113,418	119,787	105.62
	- BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	Tr.đồng	7,727	7,482	96.83
	- Thù lao của HĐQT & BKS		338	472	139.70
	Khấu hao TSCĐ	Tr.đồng	367,018	354,813	96.67
	Dịch vụ mua ngoài	Tr.đồng	29,191	29,754	101.93
	- Chi phí mua điện	Tr.đồng	5,863	5,238	89.34
	- Chi phí DVMN khác	Tr.đồng	23,328	24,516	105.10
	Chi phí SCL	Tr.đồng	38,730	30,810	79.55
	Nạo vét luồng	Tr.đồng			
	Chi phí bằng tiền	Tr.đồng	430,529	512,464	119.03
	- Thuế tài nguyên	Tr.đồng	221,929	281,363	126.78
	- Phí bảo vệ môi trường rừng	Tr.đồng	85,703	108,655	126.78
	- Tiền cấp quyền khai thác TNN	Tr.đồng	31,054	31,054	100.00
	- Thuế đất, tiền thuê đất	Tr.đồng	2,052	3,200	155.95
	- Lãi và phí vay	Tr.đồng	44,700	42,588	95.28
	- Ăn ca	Tr.đồng	2,190	1,972	90.05
	- DP TC mất việc làm	Tr.đồng	500	244	48.80
	- Chi phí bằng tiền khác	Tr.đồng	42,401	43,388	102.33
7	Lợi nhuận SXKD điện	Tr.đồng	1,171,258	1,682,176	143.62
8	Các khoản tăng, giảm giá thành điện (không gồm Chênh lệch tỷ giá)	Tr.đồng	(74,957)	69,118	
	Chênh lệch tỷ giá	Tr.đồng	(74,957)	69,686	
	Chênh lệch tỷ giá thực hiện	Tr.đồng	(4,315)	1,506	
	Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	Tr.đồng	(70,642)	68,180	
	Chênh lệch tỷ giá phân bổ	Tr.đồng			144.05%
	Giảm giá thành từ khoản thu về cho thuê cột điện	Tr.đồng			
	Giảm giá thành do thanh lý, nhượng bán vật tư thu hồi	Tr.đồng		(779)	
	Giảm giá thành do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	Tr.đồng		211	
9	Lợi nhuận SXKD điện (chưa bao gồm CLTG)	Tr.đồng	1,171,258	1,681,608	143.57
10	Lợi nhuận SXKD điện (tính đến CLTG)	Tr.đồng	1,096,301	1,751,294	159.75

11	Giá thành điện bình quân	Đ/kWh	409	348	85.07
12	HĐ tài chính				
	Doanh thu	Tr.đồng	14,084	33,426	237.33
	Chi phí	Tr.đồng		-	
	Lợi nhuận	Tr.đồng	14,084	33,426	237.33
13	HĐ sản xuất kinh doanh khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)				
	Doanh thu	Tr.đồng	6,900	31,940	462.90
	Chi phí	Tr.đồng	6,210	14,435	232.45
	Lợi nhuận	Tr.đồng	690	17,505	2,536.96
14	Tổng cộng lợi nhuận (không bao gồm chênh lệch tỷ giá)	Tr.đồng	1,186,032	1,732,539	146.08
15	Tổng cộng lợi nhuận	Tr.đồng	1,111,075	1,802,225	

Ghi chú: Các đơn vị chủ động loại bỏ những chỉ tiêu không liên quan. Ví dụ: HTPT không cần thiết CLTG

Phụ lục V
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NĂM 2023

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Q1	Q2	Q3	Q4	Năm
Sản lượng điện																	
Sản lượng điện sản xuất (tr, kWh)	200.33	238.36	223.64	216.51	223.08	175.67	228.75	247.49	325.93	345.61	275.77	183.14	662.33	615.26	802.18	804.52	2,884.28
SLĐ thương phẩm (tr,kWh)	198.86	236.58	221.76	214.69	221.21	174.19	226.83	245.41	323.20	342.70	273.46	181.60	657.19	610.09	795.44	797.76	2,860.49

Ghi chú: Sản lượng điện được tính dựa trên cơ sở: Mục nước hồ cuối năm 2022 đạt mục nước dâng bình thường và tần suất nước về năm 2023 đạt tần suất 65%

Phụ lục VI
CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT CHỦ YẾU NĂM 2023

TT	Danh mục	Đơn vị	Số liệu hiệu chỉnh
1	Sản lượng điện phát	Triệu kWh	2,884.3
2	Sản lượng điện xuất tuyến	Triệu kWh	2,860.5
3	Sản lượng điện dùng sản xuất điện	Triệu kWh	23.80
	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>%</i>	0.84
5	Hệ số khả dụng		
	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>%</i>	94.94
6	Tỷ lệ dừng máy sự cố		
	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>%</i>	0.50
8	Hệ số dừng máy bảo dưỡng		
	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>%</i>	4.56
9	Sản lượng điện mua từ lưới về	Triệu kWh	

Phụ lục VII
KẾ HOẠCH SỬA CHỮA LỚN NĂM 2023

TT	Danh mục công trình	Nội dung công việc	Giá trị Quyết định phê duyệt dự toán	Kế hoạch 2023	Ghi chú	Hạch toán vào chi phí điều chỉnh
A	Công trình chuyển tiếp		44,176	5,024		
1	Tổ máy và sân phân phối - Hệ thống DCS Nhà máy Thủy điện Đa Mi		44,176	5,024	Tạm tính đưa vào vận hành tháng 4 (Phân bổ 8 tháng năm 2023)	5,427
B	Công trình kế hoạch năm 2023		38,335	38,334		
1	Tổ máy - Tổ máy H1 Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận	- Kiểm tra sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống cơ khí thủy lực, nhất thứ, nhị thứ. - Sửa chữa máy cắt đầu cực 501.	14,016	14,016	Phân bổ máy cắt đầu cực và cơ cấu truyền động. Tạm tính đưa vào vận hành tháng 10 (phân bổ 3 tháng năm 2023. Từ tháng 1-9 thực hiện các thủ tục mua sắm	2,973
2	Tổ máy - Hệ thống kích từ và hệ thống điều tốc tổ máy H1 Nhà máy Thủy điện Đa Mi	Thuê tư vấn lập hồ sơ khảo sát, PAKT, dự toán, lập HSMT; Thuê tư vấn thẩm tra hồ sơ khảo sát, PAKT, dự toán, lập HSMT.	600	600		-
3	Tổ máy - Hệ thống điều tốc tổ máy H4, Nhà máy Thủy điện Sông Pha	Kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế hệ thống điều tốc tổ máy H4 Sông Pha.	5,856	5,856	Tạm tính đưa vào vận hành tháng 10 (phân bổ 3 tháng năm 2023. Từ tháng 1-9 thực hiện các thủ tục mua sắm	781
4	Tổ máy - Hệ thống điều tốc tổ máy H5 Nhà máy Thủy điện Sông Pha	Kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế hệ thống điều tốc tổ máy H5 Sông Pha.	5,856	5,856		781
5	Đường vận hành đi đập tràn Hàm Thuận	Sửa chữa mặt đường vận hành đi đập tràn Hàm Thuận.	6,030	6,030		6,030
6	Mái thượng lưu vai trái Đập tràn Đơn Dương	Thi công xử lý nứt, lún nền mái bê tông	5,976	5,976		5,976
7	Giá trị phân bổ - Tổ máy H2 nhà máy thủy điện Đa Mi					4,333
	TỔNG CỘNG		82,511	43,358		26,300

Ghi chú: Giá trị kế hoạch năm 2023 không tính thuế VAT

Phụ lục VIII

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH SỬA CHỮA THƯỜNG XUYÊN 2023

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên thiết bị/TSCĐ được sửa chữa	Kế hoạch 2023 trình điều chỉnh	Hạch toán vào chi phí	Ghi chú
I	SCTX tự làm	12,551	9,737	
1	Tiêu tu tổ máy H2 Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận	262	262	
2	Tiêu tu tổ máy H1 Nhà máy Thủy điện Đa Mi	193	193	
3	Tiêu tu tổ máy H2 Nhà máy Thủy điện Đa Mi	230	230	
4	Tiêu tu tổ máy H1 Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	72	72	
5	Tiêu tu tổ máy H2 Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	65	65	
6	Tiêu tu tổ máy H3 Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	65	65	
7	Tiêu tu tổ máy H4 Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	65	65	
8	Tiêu tu tổ máy H5 Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	107	107	
9	Tiêu tu tổ máy H1 Nhà máy Thủy điện Sông Pha	1,624	248	
10	Tiêu tu tổ máy H2 Nhà máy Thủy điện Sông Pha	4,175	655	
11	Tiêu tu tổ máy H3 Nhà máy Thủy điện Sông Pha	1,620	244	
12	Tiêu tu tổ máy H4 Nhà máy Thủy điện Sông Pha	422	422	
13	Tiêu tu tổ máy H5 Nhà máy Thủy điện Sông Pha	422	422	
14	Bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên Nhà máy điện mặt trời Đa Mi	1,132	1,132	
15	Bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên toàn bộ hệ thống thiết bị các nhà máy	1,333	1,333	
16	Chi phí khác SCTX tự làm	763	763	
17	Phân bổ chi phí SCTX tự làm năm 2022	-	3,458	
II	PHẦN THUÊ NGOÀI	23,043	23,043	
1	Sửa chữa xe ô tô	618	618	
2	Sửa chữa khu vận hành sửa chữa Bảo Lộc - Đường nội bộ và Nhà trực vận hành	2,804	2,804	
3	Sửa chữa nhà xưởng và công trình phụ trợ xung quanh Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận	1,400	1,400	
4	Sửa chữa tòa nhà năng lượng Nhà máy Thủy điện Đa Mi	266	266	

5	SC đường vận hành nội bộ Hàm Thuận - Đa Mi	2,503	2,503	
6	SC nhà máy Điện mặt trời Đa Mi - Nhà điều khiển, vận hành TBA 110kV và nhà trạm Inverter A-B	1,317	1,317	
7	SC đường vào trạm lọc, kênh xả Đa Nhim	1,257	1,257	
8	SC Nhà trực bảo vệ khu vực Đa Nhim	659	659	
9	SC nhà trực vận hành và sửa chữa khu vực Đa Nhim	1,178	1,178	
10	SC đường vận hành nhà van số 2 Đa Nhim	1,283	1,283	
11	Hàng rào bảo vệ Km51 Nhà máy thủy điện Đa Nhim	751	751	
12	Vệ sinh tấm pin mặt trời DMS, vật tư DHD cấp	147	147	
13	Nhỏ cỏ trên hệ thống phao pin mặt trời DMS, vật tư DHD cấp	42	42	
14	Sửa chữa bảo dưỡng, thay thế phao cảnh báo bảo vệ tấm pin DMS, vật tư DHD cấp	147	147	
15	Vệ sinh thay lưới chắc rác CNN Hàm Thuận, Đa Mi	110	110	
16	Vệ sinh bên ngoài và sơn dặm (nếu có) thành ống số 1, 2 Đa Nhim	650	650	
17	Tư vấn khảo sát, lập phương án - dự toán xử lý các vết nứt của tòa nhà năng lượng Hàm Thuận	1,843	1,843	Chuyển từ năm 2022 sang do chưa thực hiện xong. Giá trị lấy theo Quyết định phê duyệt danh mục và dự toán danh mục công trình.
18	Xử lý xói ngầm qua hệ thống thoát nước ngầm vai phải đập tràn Đơn Dương	4,620	4,620	Chi phí tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán, thẩm định... và chi phí xử lý xói ngầm
19	Nhà trực vận hành đập tràn Đơn Dương	163	163	
20	Sửa chữa hệ thống phòng cháy và chữa cháy, khu vực nhà trực vận hành sửa chữa Bảo Lộc - Nhà trực vận hành N	325	325	
21	Chi phí khác Sửa chữa thuê ngoài	960	960	

Phụ lục IX

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG - ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN - KHẤU HAO CƠ BẢN NĂM 2023

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Hạng mục công trình	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Kế hoạch điều chỉnh			
					Đơn giá	Thành tiền	KH 2022	KH 2023
	Tổng cộng						1,097	245,664
I	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG				-		-	81,152
1	Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim		Dự án	1	-		-	81,152
	Vốn vay							
	Vốn đối ứng							81,152
II	KẾ HOẠCH MUA SẴM TSCĐ BẰNG VỐN ĐTPT						1,097	83,797
1	Hạng mục chuyển tiếp từ năm 2022						1,097	72,239
1	Nâng cấp hệ thống điều khiển trạm GIS Hàm Thuận	1. Thiết bị phần cứng các tủ điều khiển (220/110 kV witchyard): - LCU Thiết bị tủ điều khiển controller chính (GIS-IF) - Thiết bị lắp đặt tại các tủ BCU (11 ngăn lộ) 2. Cáp lắp đặt bổ sung (các loại) 3. Dịch vụ liên quan: Thiết kế, thi công, nghiệm thu tại xưởng...	HT	1	23,100	23,100	695	22,405
2	Hệ thống giám sát trực tuyến các MBA chính NMTĐ Đa Mi	Hệ thống giám sát trực tuyến 02 máy biến áp chính bao gồm dịch vụ đi kèm, vật tư dự phòng	HT	2	8,894	17,788	-	17,788
3	Trung tâm OCC - Cài tạo, nâng cấp Hệ thống thiết bị trung tâm điều khiển OCC, hệ thống mạng bảo mật hệ thống điều khiển và thị trường điện	Hệ thống mới đáp ứng yêu cầu: Mở rộng phạm vi và các tính năng giám sát, điều khiển, quản lý vận hành các nhà máy: Nhà máy Thủy điện Đa Nhim, Đa Nhim mở rộng, Sông Pha, Hàm Thuận, Đa Mi, Hạ Sông Pha 1, Hạ Sông Pha 2, Nhà máy điện mặt trời Đa Mi và có khả năng mở rộng trong tương lai.	HT	1	13,543	13,543	234	13,309
4	Nâng cấp, thay thế hệ thống hội nghị truyền hình các phòng họp tại Công ty	-Thiết bị HNTH+ Camera EagleEye IV, thiết bị âm thanh, loa và máy tính kết nối Zoom - Cho phép trình chiếu từ máy tính truyền đi tất cả các điểm để thực hiện đào tạo, báo cáo công việc	HT	1	3,862	3,862	63.40	3,799
5	Hệ thống cảnh báo lũ hạ du hồ Đơn Dương	Truyền tín hiệu âm thanh còi hú đến các khu vực dân cư hạ du hồ Đơn Dương (12 trạm cảnh báo và 1 trạm điều khiển trung tâm)	HT	1	1,459	1,459	24.7	1,434
6	Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán hạng mục “Cửa van sửa chữa đập tràn Đơn Dương”	Thuê tư vấn khảo sát, đánh giá hiện trạng kết cấu đập tràn và lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật	Gói	1	1,197	1,197	-	1,197
7	Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán hạng mục “Ống piezometer đo đường bão hòa thấm trong thân đập Hàm Thuận và Đa Mi”	Thuê tư vấn khảo sát địa hình, địa chất, thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý và lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật	Gói	1	7,500	7,500	-	7,500
8	Nâng cấp, thay thế, trang bị mới thiết bị CNTT đảm bảo hạ	Nâng cấp, cài tạo hệ thống CNTT phục vụ chuyên đổi số	Gói	1	4,888	4,888	80	4,808
2	Hạng mục đăng ký mới năm 2023							11,557.7
1	Hộp bộ thử nghiệm rơ le bảo vệ	- Thông số kỹ thuật theo phương án kỹ thuật đầu tư. - Các phụ kiện/hướng dẫn kèm theo: Dây dù phụ kiện, phần mềm và driver kết nối máy tính, hướng dẫn sử dụng. - Các phụ kiện phục vụ đo: Dây dò, dây áp, testplug thử nghiệm	Máy	1	2,540.8	2,541		2,540.8
2	Máy ghi dạng sóng	- Thông số kỹ thuật theo phương án kỹ thuật đầu tư.	Máy	1	1,450.8	1,451		1,450.8

3	Máy đo điện trở đất	<ul style="list-style-type: none"> - Thông số kỹ thuật theo phương án kỹ thuật đầu tư. - Các phép đo: Tiếp đất / Tiếp đất lựa chọn / Điện trở suất đất / Ghép hop / Thông mạch / Điện thế đất / Tiếp đất cột điện cao thế. - Kiểu đo: 3 cực / 4 cực / 4 cực kẹp đo / 2 kẹp. - Dải đo: 0.001 đến 100 kQ (tự động điều chỉnh). - Đo điện trở tiếp đất cọc phụ: Có (dải đo từ 0.01Ω đến 100kΩ). - Các phụ kiện/hướng dẫn kèm theo: 1 bộ sạc, 1 đĩa CD phần mềm Data export + 1 cáp quang / USB, 2 kẹp đo C182 với 2 dây đo, đĩa CD hướng dẫn sử dụng 5 ngôn ngữ, 5 hướng dẫn sử dụng đơn giản (5 ngôn ngữ khác nhau), 5 nhãn mô tả thiết bị (5 ngôn ngữ khác nhau). - Các phụ kiện phục vụ đo: <ul style="list-style-type: none"> + Đo điện trở đất. + Đo điện trở suất của đất. 	Máy	1	193.6	194		193.6
4	Máy đo khí độc	<ul style="list-style-type: none"> - Thông số kỹ thuật theo phương án kỹ thuật đầu tư. - Dải đo: <ul style="list-style-type: none"> + Khí Ammonia (NH3) (Đầu dò công nghệ điện hóa Electrochemical): Từ 0 - 500 ppm; Độ phân giải: 1ppm. + Khí Sulfur Dioxide (SO2) (Đầu dò công nghệ điện hóa Electrochemical): Từ 0 - 150 ppm; Độ phân giải: 0,1ppm. + Khí Carbon Dioxide (CO2) (Đầu dò công nghệ hồng ngoại IR): Từ 0 - 5 % Vol; Độ phân giải: 0,01%. + Khí Nitric Oxide (NO) (Đầu dò công nghệ điện hóa Electrochemical): Từ 0 - 1000 ppm; Độ phân giải: 1ppm. - Các phụ kiện/hướng dẫn kèm theo: Sạc pin, nguồn pin Li-ion, dây đai, cốc hiệu chuẩn, ống hiệu chuẩn, ống mẫu, các thiết bị tháo lắp máy (không bao gồm cảm biến). 	Máy	1	211.2	211		211.2
5	Máy đo điện áp đánh thủng dầu cách điện	<ul style="list-style-type: none"> - Thông số kỹ thuật theo phương án kỹ thuật đầu tư. Dải đo: Từ 0 – 100kV. - Độ phân giải và cấp chính xác: <ul style="list-style-type: none"> + Từ 0 – 5 kV/s: 0,1 kV ±1% ± 2 chữ số. + Từ 5 – 10 kV/s: 0,1 kV ±1% ± 4 chữ số. - Tốc độ tăng áp: 0,5kV/s, 2,0 kV/s hoặc 3,0 kV/s theo tiêu chuẩn và tùy chỉnh từ 0,5 kV/s đến 10,0 kV/s. - Cốc chứa mẫu: 400ml (không điện cực). - Màn hình: Màn hình LCD. - In kết quả: In trong với khổ giấy 57,5mm. - Phụ kiện: <ul style="list-style-type: none"> + Bộ điện cực đầy đủ đáp ứng theo IEC và ASTM. + Cốc chứa mẫu, nắp gắn điện cực và cá từ. + Bộ đo khe hở điện cực. 	Máy	1	637.5	638		637.5

6	Thiết bị đo rò rỉ khí SF6	<ul style="list-style-type: none"> - Thông số kỹ thuật theo phương án kỹ thuật đầu tư. - Phạm vi đo: 0÷50ppmv. - Giới hạn phát hiện: 0,6ppmv. - Tốc độ rò rỉ có thể phát hiện: 0,34g/năm. - Độ chính xác: 10ppmv: ± 0,5ppmv; >10ppmv: ± 2% - Độ phân giải: 0,1ppmv. - Thời gian phản hồi: <12 giây. - Độ lặp lại: <0,3%. 	Máy	1	318.2	318		318.2
7	Máy đo thủy chuẩn	<ul style="list-style-type: none"> - Thông số kỹ thuật theo phương án kỹ thuật đầu tư. 	Máy	1	563.2	563		563.2
8	Máy đo điện trở 1 chiều cầm tay	<ul style="list-style-type: none"> - Thông số kỹ thuật theo phương án kỹ thuật đầu tư. - Dòng điện thử nghiệm: 1 mA - 10 ADC. - Điện áp đầu ra: Up to 5 VDC. - Dây đo điện trở: 1 μΩ - 5 kΩ. - Độ chính xác: 0.2 %. - Kết nối: Đa cực. - Kết nối: Bluetooth, Android app 	Máy	2	160.0	320		320.0
9	Máy đo điện trở cách điện	<ul style="list-style-type: none"> - Thông số kỹ thuật theo phương án kỹ thuật đầu tư. - Điện áp: 1 đến 5,100 VAC/DC. - Thang đo Cách điện: 500/1,000/2,500 /5,000 VDC. - Dải đo: 10 Ω to 10 TΩ. - Điện dung: 0.01 đến 49.99 μF. - Dòng điện: 0.01 đến 3.000 μA. - Hệ số chất lượng: DAR/PI 	Máy	1	145.0	145		145.0
10	Máy bắn đá khô (CO2)	<ul style="list-style-type: none"> - Thông số kỹ thuật theo phương án kỹ thuật đầu tư. - Vòi phun: 3mm – lưu lượng khí từ 1m3/phút. - Ống hơi tiêu chuẩn: 5m – cao su kỹ thuật không có silicon. - Áp lực: 2-12 bar. - Tiêu thụ băng khô: 10-30 kg/h. - Bộ rung: Động cơ điện. - Bộ điều áp: Festo 1/2inch 	Máy	1	360.0	360		360.0
11	Bơm thủy lực mini hi-force (Dùng điện)	<ul style="list-style-type: none"> - Thông số kỹ thuật theo phương án kỹ thuật đầu tư. - Áp suất làm việc: 700bar. - Cấp tốc độ: 2. - Lưu lượng định mức: 0,2l/min. - Kiểu van: 2 chiều; - Khối lượng dầu: 0,8 	Máy	1	160.0	160		160.0
12	Máy rửa chén	<ul style="list-style-type: none"> Công suất rửa (racks/h): 60/20. Kích thước rổ (mm): 500 x 500. Nhiệt độ rửa: 60. Nhiệt độ tráng: 85. Chiều cao khi đóng/mở lồng chụp: 1.460/1.890 mm. Dung tích bồn rửa: 28 lít 	Máy	4	100.0	400		400.0
13	Trạm cảnh báo lũ hạ du hồ Hàm Thuận	Có thể thông báo bằng âm thanh , còi hạ qua loa một lúc cho từng trạm hoặc nhiều trạm.	trạm	4	150.0	600		600.0

14	Xe ô tô chữa cháy	Xe ô tô chữa cháy, ISUZU, model: FRR90HE4, bao gồm: - Bơm chữa cháy: CXNK750 - Téc nước: 3.600 lít - Téc Foam: 400 lít.	Xe	1	3,657.4	3,657		3,657.4
III	KHẤU HAO CƠ BẢN							80,715
1	Máy biến áp chính Nhà máy Thủy điện Đa Mi	Máy biến áp 103MVA, 13,8/230kV (2 máy), Nhà sản xuất: Siemens. Bao gồm dịch vụ đi kèm, vật tư dự phòng	Bộ	2	40,357.5	80,715	-	80,715

Ghi chú: Giá trên của các hạng mục II, III chưa bao gồm thuế VAT

BÁO CÁO
Tình hình quản trị Công ty năm 2022
và Kế hoạch hoạt động năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi và các quy định pháp luật liên quan, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về tình hình quản trị Công ty năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 như sau:

Phần I

TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2022

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Thực hiện Nghị quyết số 546/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022, HĐQT đã kịp thời chỉ đạo Công ty vượt qua nhiều khó khăn, hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu, đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%)
1	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.463	3.105,5	126,09
2	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.443	3.084	126,24
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	2.191.059	2.820.006	128,71
4	Tổng chi phí	Tr.đ	1.079.983	1.017.781	94,24
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	1.111.076	1.802.225	162,21
6	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	888.861	1.480.119	166,52
7	Cổ tức	%	20%	34%	170,0

2. Công tác Đầu tư xây dựng - Đầu tư phát triển

a) Công tác đầu tư xây dựng:

- Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim: Dự án đã hoàn thành toàn bộ công trình và vận hành thương mại đủ công suất thiết kế (80MW) từ ngày 12/8/2021. Trong năm 2022, HĐQT chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện giải ngân các hạng mục công việc liên quan. Kế hoạch giải ngân năm 2022 là 44.134 triệu đồng, thực hiện 12.955 triệu đồng, đạt 29,4%.

Công tác giải ngân thấp do các nguyên nhân khách quan chưa thanh toán tạm một phần chi phí Tư vấn giám sát thực hiện trong giai đoạn thi công khoan nổ do Bộ Công Thương đang xem xét chấp thuận điều chỉnh tiến độ, điều chỉnh Dự án và chấp thuận chủ trương điều chỉnh Hợp đồng TVGS tương đương 26.127 triệu đồng chiếm 60% giá trị kế hoạch năm.

Bên cạnh công tác giải ngân cho Dự án, HĐQT giao Ban Tổng giám đốc chỉ đạo các đơn vị tập trung làm việc và hoàn thiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước về kết quả kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim.

- Dự án điện mặt trời Đa Mi: HĐQT chỉ đạo Ban Tổng giám đốc phối hợp với các nhà thầu xử lý những vấn đề tồn tại. Trong năm 2022, Nhà máy điện mặt trời Đa Mi sản xuất được 66,1/62,7 triệu kWh, đạt 105,46% kế hoạch; giá trị giải ngân là 191/386 triệu đồng, đạt 49,5% kế hoạch năm.

Giá trị giải ngân thấp hơn kế hoạch do giảm chi phí kiểm tra hết hạn bảo hành của Tư vấn quản lý dự án và Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật thực hiện từ xa.

b) Công tác mua sắm tài sản cố định (TSCĐ):

- Đối với công tác mua sắm TSCĐ bằng nguồn vốn đầu tư phát triển (ĐTPT): Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện 21 hạng mục (gồm 01 hạng mục phát sinh) với tổng giá trị kế hoạch đăng ký là 35.638 triệu đồng, thực hiện năm 2022 là 8.321 triệu đồng, đạt 23,3% so với kế hoạch. Giá trị giải ngân thấp do công tác thực hiện giai đoạn chuẩn bị lựa chọn nhà thầu kéo dài; các hạng mục mua sắm TSCĐ phải thực hiện theo quy trình đầu tư xây dựng (phải lựa chọn tư vấn lập Báo cáo KTKT) nên trong năm 2022 chỉ thực hiện giải ngân cho chi phí tư vấn lập Báo cáo KTKT; công tác phát hành Hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà thầu cung cấp, lắp đặt, nghiệm thu hoàn thành sẽ thực hiện chuyển tiếp sang năm 2023.

- Đối với công tác mua sắm TSCĐ bằng nguồn vốn khấu hao cơ bản: Trong năm 2022, Công ty đăng ký 01 hạng mục (mua 2 MBA Đa Mi) với tổng giá trị kế hoạch giải ngân là 16.143 triệu đồng. Tuy nhiên, Công ty chưa hoàn thành lựa chọn nhà thầu cung cấp MBA trong năm 2022, việc lựa chọn nhà thầu chuyển tiếp sang năm 2023.

3. Công tác đầu tư tài chính

a) Kết quả sản xuất kinh doanh của các công ty có vốn góp của Công ty:

STT	Tên công ty	Giá trị vốn góp cuối kỳ	Tỷ lệ vốn góp	LNST kế hoạch	LNST thực hiện	Giá trị vốn góp cuối kỳ (Trđ)

		(Trđ)	(%)	(Trđ)	(Trđ)	
1	CTCP Thủy điện Hạ Sông Pha	112.000	70	19.280	25.548	112.000
2	CTCP Phong điện Thuận Bình	100.000	20	139.059	100.339	100.000
3	CTCP Thủy điện A Vương	24.560	3	104.672	582.282	24.560
4	CTCP Thủy điện Sông Ba Hạ	12.800	1	128.796	642.181	12.800

Kết quả sản xuất kinh doanh của các đơn vị có vốn góp của Công ty phần lớn đều có kết quả tốt, chỉ có Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình (TBW) có lợi nhuận sau thuế thấp hơn kế hoạch do gió thấp và bị cắt giảm sản lượng theo điều độ hệ thống điện nên sản lượng và doanh thu đạt thấp.

b) Cổ tức từ các khoản đầu tư:

- Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha chia cổ tức năm 2021 là 10% với số tiền 11,2 tỷ đồng.

- Công ty cổ phần Thủy điện A Vương chia cổ tức 30% của năm 2021 và tạm ứng 5% cổ tức năm 2022 với số tiền 9,0 tỷ đồng.

- Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ chia cổ tức năm 2021 là 25%, với số tiền 3,2 tỷ đồng.

- Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình (TBW) chia cổ tức năm 2021 là 10%, với số tiền là 10 tỷ đồng.

4. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Số người	Thực hiện (đồng)
1	Tiền lương Chủ tịch HĐQT	1	1.003.986.456
2	Tiền lương Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách (6 tháng, từ tháng 1 đến tháng 6 /2021)	1	411.012.000
3	Tiền lương Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách (6 tháng, từ tháng 7 đến tháng 12/2021)	1	393.890.400
4	Thù lao Trưởng Ban Kiểm soát không chuyên trách (6 tháng, từ tháng 7 đến tháng 12/2021)	1	82.202.400
5	Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách 1 (12 tháng)	1	157.556.400
6	Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách 2 (6 tháng, từ tháng 1 đến tháng 6/2021)	1	78.778.200

Tổng cộng	2.127.425.856
------------------	----------------------

5. Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

HĐQT đã chỉ đạo thực hiện theo Điều 4 Nghị quyết số 546/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.

6. Phân chia lợi nhuận 2021

HĐQT đã chỉ đạo thực hiện phân phối lợi nhuận theo Điều 6 Nghị quyết số 546/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.

7. Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2022 của HĐQT và Ban Kiểm soát

HĐQT đã chỉ đạo thực hiện phân phối lợi nhuận theo Điều 7 Nghị quyết số 546/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

1. Các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến thành viên HĐQT, ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền

HĐQT duy trì các cuộc họp thường kỳ, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc, quy định theo quy chế làm việc của HĐQT, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm, HĐQT đã tổ chức 10 cuộc họp và 86 lượt lấy phiếu ý kiến để thông qua các nội dung do Ban Tổng giám đốc trình liên quan đến công tác điều hành, sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. HĐQT đã ký ban hành 96 Nghị quyết/Quyết định, trong đó:

- Nghị quyết/Quyết định của HĐQT thông qua cuộc họp: 10;
- Nghị quyết/Quyết định của HĐQT thông qua lấy ý kiến bằng văn bản: 86

Chi tiết nội dung các Nghị quyết, Quyết định ban hành trong năm 2022 theo Phụ lục đính kèm.

2. Chi trả cổ tức năm 2021

Căn cứ vào phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và Nghị quyết số 546/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 về chỉ tiêu cổ tức chia cho cổ đông, HĐQT đã chỉ đạo thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 cho cổ đông với tỉ lệ 35%.

3. Công tác phối hợp Ban kiểm soát

Phối hợp tốt với Ban Kiểm soát giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT nhằm duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

Trong năm 2022, Ban Tổng giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, Tổng

Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư và các hoạt động khác của Công ty để Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Tập thể Lãnh đạo và người lao động trong Công ty đoàn kết, đa số đều có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp vị trí công việc, đặc biệt là tinh thần trách nhiệm cao và sự nỗ lực, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ là những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công và giúp Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã giao.

III. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT

1. Đánh giá về tình hình tài chính Công ty

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty, các bên có quyền lợi liên quan và vì sự phát triển của Công ty, HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc một cách sát sao và kịp thời để hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022. Các chỉ tiêu cơ bản về đánh giá tình hình tài chính và khả năng sinh lợi của Công ty mẹ như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022
1	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	24,87	26,69
2	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	75,13	73,31
3	Hệ số nợ/Vốn Chủ sở hữu	lần	0,34	0,29
4	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	lần	2,97	3,07
5	Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	4,18	4,26
6	Tỷ suất doanh thu thuần/Tổng vốn	%	30,57	35,01
8	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn (ROE)	%	21,94	23,13
9	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)	%	16,09	17,57

Năm 2022, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh nên các chỉ số tài chính tốt hơn so với năm trước, cụ thể như sau:

- Về cơ cấu tài sản: Tỷ trọng tài sản ngắn hạn ngày càng tăng chủ yếu là do doanh thu tăng nên nguồn tiền và khoản phải thu tăng so với năm trước. Tuy vậy, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn phù hợp với đặc thù ngành điện có nhiều TSCĐ.

- Về hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu: Giảm so với năm trước, nợ vay giảm do trả nợ gốc trong năm. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu đang ở mức rất thấp nên hệ số an toàn về tài chính của Công ty cao.

- Hệ số khả năng thanh toán: Tăng so với năm trước, nguyên nhân do tài sản ngắn hạn tăng và nợ ngắn hạn giảm. Hệ số khả năng thanh toán đang ở mức cao.

- Tỷ suất sinh lợi: Tăng cao so với năm trước, nguyên nhân do tình hình thủy văn thuận lợi và giá biên thị trường cao dẫn đến doanh thu đạt cao và các tỷ suất sinh lợi tăng cao và đạt ở mức rất tốt.

2. Đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị

HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, tập trung hoạch định chiến lược, đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời chỉ đạo hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc, đảm bảo hài hòa lợi ích của Công ty, Tổng công ty Phát điện 1 và người lao động, tạo nền móng vững chắc cho sự phát triển của Công ty.

Căn cứ Điều lệ và các Quy chế quản lý điều hành Công ty, HĐQT đã thường xuyên kiểm tra và giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát duy trì tính an toàn và hoàn thiện cơ chế hoạt động của Công ty. Các thành viên HĐQT cũng đã tham gia vào những hoạt động quan trọng về chiến lược kinh doanh, cơ chế làm việc và một số vấn đề kinh doanh khác.

Hoạt động của HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, đề ra các chủ trương, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn phù hợp, kịp thời; quản trị và giám sát chặt chẽ hoạt động điều hành, hỗ trợ và đảm bảo hiệu quả cao hoạt động điều hành của Tổng giám đốc.

Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban Tổng giám đốc dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT và sự đồng thuận của các cổ đông.

Việc công bố thông tin đảm bảo tính chính xác, kịp thời và tuân thủ các quy định về nội dung.

Phần II

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

I. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG

1. Mục tiêu

a) Đảm bảo hệ thống công trình, thiết bị và các tổ máy phát điện vận hành an toàn, ổn định, hiệu quả.

b) Hoàn thành kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận, tỉ lệ cổ tức, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, tài chính, năng suất lao động.

c) Vận hành khai thác tối ưu các hồ chứa và đảm bảo cấp nước hạ du.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

a) Tăng cường kỷ luật trong công tác quản lý vận hành, quản lý kỹ thuật, đảm bảo các tổ máy phát điện sẵn sàng phát điện, hoàn thành kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, tài chính.

b) Thực hiện tốt công tác nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động; tối ưu hóa chi phí theo chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

c) Xây dựng lực lượng nhân lực kế thừa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và nâng cao năng lực quản trị của Công ty.

d) Hoàn thiện công tác quản trị nội bộ, thực hiện tốt công tác an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường; Phòng chống thiên tai và Cứu nạn cứu hộ; bảo đảm trật tự, an ninh khu vực.

e) Tổ chức và triển khai thực hiện tốt chủ đề năm 2023 “Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”, hoàn thành toàn bộ kế hoạch năm 2023.

f) Thực hiện công tác “Chuyển đổi số toàn Công ty”; ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác quản lý và điều hành sản xuất theo kế hoạch.

g) Hoàn thiện bổ sung vào Quy hoạch Điện VIII và triển khai công tác chuẩn bị Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - Giai đoạn 2.

II. MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CƠ BẢN NĂM 2023

1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.884,28
2	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.860,49
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	2.263.379
4	Tổng chi phí	Triệu đồng	1.191.093
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.072.286
6	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	857.829
7	Cổ tức	%	20

2. Kế hoạch Bảo dưỡng sửa chữa

a) Sửa chữa lớn

Công ty đăng ký kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 gồm 7 hạng mục công trình (6 hạng mục công trình đăng ký mới và 01 hạng mục công trình chuyển tiếp từ năm 2022) với tổng giá trị là 43.358 triệu đồng và giá trị hạch toán vào chi phí trong năm 2023 tạm tính là 26.300 triệu đồng.

b) Sửa chữa thường xuyên

Hội đồng quản trị chỉ đạo Tổng giám đốc triển khai công tác sửa chữa thường xuyên hệ thống thiết bị công trình theo lịch nhằm đảm bảo thiết bị, công trình vận hành an toàn, ổn định. Cụ thể như sau:

- Thực hiện sửa chữa thường xuyên tự làm năm 2023 gồm 17 hạng mục với tổng số tiền là 12.551 triệu đồng.

- Thực hiện sửa chữa thường xuyên phần thuê ngoài năm 2023 gồm 21 hạng mục với tổng số tiền là 23.043 triệu đồng.

3. Chỉ tiêu đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản cố định

Tổng giá trị kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản cố định là 245.664 triệu đồng. Trong đó:

a) Đầu tư xây dựng: 81.152 triệu đồng

b) Mua sắm tài sản cố định bằng vốn đầu tư phát triển và KHCB: 83.797 triệu đồng.

c) Mua sắm tài sản cố định bằng vốn khấu hao cơ bản: 80.715 triệu đồng

Kính trình Đại hội biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2023;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Quang

Phụ lục**DANH MỤC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2022**

(Đính kèm Báo cáo số /BC-HĐQT ngày 27/4/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	06/01/2022	Nghị quyết về việc thông qua thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
2	02/NQ-HĐQT	07/01/2022	Nghị quyết về việc bổ nhiệm lại/kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với cán bộ	100%
3	03/NQ-HĐQT	14/01/2022	Nghị quyết về việc tạm ứng cổ tức năm 2021	100%
4	04/NQ-HĐQT	14/01/2022	Nghị quyết về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cung cấp, lắp đặt thiết bị điều tốc các tổ máy Sông Pha	100%
5	05/NQ-HĐQT	18/01/2022	Nghị quyết về việc sửa đổi, ban hành lần 3 Quy chế phân phối lương sản xuất điện	100%
6	06/QĐ-HĐQT	18/01/2022	Quyết định về việc ban hành lần 3 Quy chế phân phối lương sản xuất điện	100%
7	07/QĐ-HĐQT	19/01/2022	Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ P.TGD Đỗ Minh Lộc	100%
8	08/NQ-HĐQT	23/02/2022	Nghị quyết về việc thông qua Phụ lục hợp đồng số 9 Hợp đồng số 353/DHD-MC, GPIL and AHF ngày 21 tháng 11 năm 2016 của Gói thầu số 12.03 - (DNE-D3): Cung cấp và lắp đặt thiết bị cơ điện thuộc Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	100%
9	09/NQ-HĐQT	25/02/2022	Nghị quyết về việc đề cử thành viên Hội đồng quản trị	100%

10	10/QĐ-HĐQT	28/02/2022	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Các gói thầu sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2022”	100%
11	11/NQ-HĐQT	28/02/2022	Nghị quyết Hội đồng quản trị - Phiên họp lần 01 năm 2022	100%
12	12/NQ-HĐQT	01/3/2022	Nghị quyết Hội đồng quản trị - Phiên họp lần 02 năm 2022	100%
13	13/QĐ-HĐQT	01/3/2022	Quyết định về việc giao thực hiện quyền Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
14	14/QĐ-HĐQT	01/3/2022	Quyết định về việc miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
15	15/NQ-HĐQT	04/3/2022	Nghị quyết Về việc thông qua thời gian lựa chọn nhà thầu và E-HSMT hiệu chỉnh Gói thầu: Cung cấp, lắp đặt máy biến áp chính Nhà máy Thủy điện Đa Mi	100%
16	16/NQ-HĐQT	04/3/2022	Nghị quyết về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cung cấp, lắp đặt thiết bị hệ thống điều khiển Nhà máy Thủy điện Đa Mi, thuộc các gói thầu sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2021	100%
17	17/NQ-HĐQT	08/3/2022	Nghị quyết về việc cử Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi và đề cử nhân sự tham gia ứng cử Ban Kiểm soát tại Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình	100%
18	19/NQ-HĐQT	14/3/2022	Nghị quyết về việc kiện toàn công tác cán bộ trong Công ty năm 2022	100%
19	24/QĐ-HĐQT	24/3/2022	Quyết định thành lập Tổ thẩm định dự toán chi phí bổ sung hợp đồng số 368/DHD-CC47 ký ngày 09 tháng 12 năm 2015 để thi công gói thầu số 12.01-(DNE-D1): Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính, Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	100%
20	25/NQ-HĐQT	25/3/2022	Nghị quyết Hội đồng quản trị - Phiên họp lần 03 năm 2022 Nội dung về sản xuất kinh doanh	100%

21	27/QĐ-HĐQT	28/3/2022	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 của người lao động	100%
22	28/NQ-HĐQT	29/3/2022	Nghị quyết Hội đồng quản trị - Phiên họp lần 03 năm 2022. Nội dung về Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022	100%
23	29/QĐ-HĐQT	06/4/2022	Quyết định thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
24	30/NQ-HĐQT	07/4/2022	Nghị quyết về việc thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình	100%
25	31/QĐ-HĐQT	12/4/2022	Quyết định điều chỉnh thành viên Tổ thẩm định dự toán chi phí bổ sung hợp đồng số 368/DHD-CC47 ký ngày 09 tháng 12 năm 2015 để thi công gói thầu số 12.01-(DNE-D1): Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính, Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	100%
26	32/QĐ-HĐQT	18/4/2022	Quyết định về việc phê duyệt dự toán chi phí bổ sung hợp đồng số 368/DHD-CC47 ký ngày 09 tháng 12 năm 2015 để thi công gói thầu số 12.01-(DNE-D1): Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính, Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	100%
27	33/QĐ-HĐQT	22/4/2022	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán tiền nhân công thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật năm 2021	100%
28	34/QĐ-HĐQT	25/4/2022	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán tiền nhân công sửa chữa lớn tự làm năm 2021	100%
29	35/NQ-HĐQT	25/4/2022	Nghị quyết về việc thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	100%
30	36/NQ-HĐQT	27/4/2022	Nghị quyết về việc kiện toàn nhân sự Người đại diện phần vốn tại	100%

			Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	
31	38/QĐ-HĐQT	09/5/2022	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật các danh mục nâng cấp, cải tạo hệ thống thiết bị Kế hoạch mua sắm tài sản cố định năm 2022	100%
32	39/QĐ-HĐQT	09/5/2022	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật các danh mục nâng cấp, cải tạo hệ thống thiết bị Kế hoạch mua sắm tài sản cố định năm 2022	100%
33	41/QĐ-HĐQT	10/5/2022	Quyết định về việc thông qua phương án kỹ thuật và dự toán Gói thầu "Sửa chữa MBA 1T 103MVA - 230/13,8kV NMTĐ Đa Mi"	100%
34	42/QĐ-HĐQT	10/5/2022	Quyết định về việc phê duyệt Danh mục và Nhiệm vụ kỹ thuật - Dự toán các gói thầu lập và thẩm tra bổ sung, cập nhật Báo cáo Nghiên cứu khả thi (đã duyệt) Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	100%
35	43/QĐ-HĐQT	11/5/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Sửa chữa MBA 1T 103MVA - 230/13,8kV NMTĐ Đa Mi	100%
36	44/QĐ-HĐQT	12/5/2022	Quyết định Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Sửa chữa MBA 1T 103MVA - 230/13,8kV NMTĐ Đa Mi	100%
37	45/QĐ-HĐQT	16/5/2022	Quyết định thành lập Tổ Tổng hợp trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
38	46/NQ-HĐQT	20/5/2022	Nghị quyết về việc thông qua tuyển dụng lao động trong năm 2022	100%
39	48/QĐ-HĐQT	20/5/2022	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và Dự toán "Các gói thầu mua sắm tài sản cố định năm 2022 (đợt 1)"	100%
40	49/NQ-HĐQT	24/5/2022	Nghị quyết Hội đồng quản trị - Phiên họp lần 04 năm 2022	100%

41	50/NQ-HĐQT	25/5/2022	Nghị quyết Hợp Hội đồng quản trị - Phiên họp lần 05 năm 2022	100%
42	51/NQ-HĐQT	25/5/2022	Nghị quyết về việc thông qua Quy chế phân phối lương, thù lao của Người quản lý Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
43	52/QĐ-HĐQT	31/5/2022	Quyết định về việc ban hành Quy chế phân phối lương, thù lao của Người quản lý Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
44	53/NQ-HĐQT	31/5/2022	Nghị quyết về việc chi trả cổ tức năm 2021	100%
45	54/QĐ-HĐQT	31/5/2022	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định đấu thầu các gói thầu lập và thẩm tra bổ sung, cập nhật Báo cáo Nghiên cứu khả thi (đã duyệt), Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	100%
46	55/QĐ-HĐQT	06/6/2022	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định Tổng dự toán cập nhật, bổ sung Công trình mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	100%
47	56/NQ-HĐQT	07/6/2022	Nghị quyết Về việc phê duyệt kế hoạch chi trả cổ tức năm 2021	100%
48	58/NQ-HĐQT	14/6/2022	Nghị quyết về việc chi trả trước cổ tức đợt 2 năm 2021	100%
49	60/QĐ-HĐQT	20/6/2022	Quyết định về việc phê duyệt tiền lương kế hoạch của người quản lý và người lao động năm 2022	100%
50	61/QĐ-HĐQT	23/6/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022	100%
51	62/QĐ-HĐQT	24/6/2022	Quyết định về việc phê duyệt Tổng dự toán bổ sung, cập nhật Công trình: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	100%
52	63/NQ-HĐQT	04/7/2022	Nghị quyết về việc thông qua Phụ lục số 11 của Hợp đồng số 368/DHD-CC47 ký ngày 09 tháng 12 năm 2015 để thực hiện gói thầu 12.01-(DNE-D1): Công tác xây dựng và kiến trúc công trình chính	100%

			Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
53	64/NQ-HĐQT	04/7/2022	Nghị quyết Về việc thông qua Phụ lục hợp đồng số 10 Hợp đồng số 353/DHD-MC, GPIL và AHF ngày 21 tháng 11 năm 2016 của Gói thầu số 12.03 - (DNED3): Cung cấp và lắp đặt thiết bị cơ điện thuộc Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	100%
54	65/NQ-HĐQT	06/7/2022	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị - Phiên họp lần 06 năm 2022	100%
55	66/QĐ-HĐQT	06/7/2022	Quyết định về việc thôi nhiệm vụ quyền Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
56	67/QĐ-HĐQT	06/7/2022	Quyết định về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
57	68/NQ-HĐQT	19/7/2022	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị - Phiên họp lần 07 năm 2022	100%
58	69/NQ-HĐQT	20/7/2022	Nghị quyết về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Các gói thầu mua sắm tài sản cố định năm 2022 (đợt 1)	100%
59	70/NQ-HĐQT	22/7/2022	Nghị quyết về việc thông qua chủ trương ký kết hợp đồng với Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	100%
60	71/NQ-HĐQT	04/8/2022	Nghị quyết về việc chi trả cổ tức năm 2021 đợt cuối	100%
61	72/NQ-HĐQT	09/8/2022	Nghị quyết Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu lập và thẩm tra bổ sung, cập nhật Báo cáo Nghiên cứu khả thi (đã duyệt) Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	100%
62	73/NQ-HĐQT	09/8/2022	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị - Phiên họp lần 08 năm 2022	100%
63	74/NQ-HĐQT	10/8/2022	Nghị quyết về việc phê duyệt các công trình đầu tư thuộc nguồn vốn đầu tư phát triển năm 2022 - 2023	100%
64	76/NQ-HĐQT	17/8/2022	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị - Phiên họp lần 09 năm 2022	100%

65	77/NQ-HĐQT	22/8/2022	Nghị quyết về việc thông qua ban hành lần 3 Quy chế quản lý vốn và Người đại diện của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tại công ty con, công ty liên kết	100%
66	78/QĐ-HĐQT	22/8/2022	Quyết định về việc ban hành lần 3 Quy chế quản lý vốn và Người đại diện của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tại công ty con, công ty liên kết	100%
67	79/NQ-HĐQT	26/8/2022	Nghị quyết về việc phê duyệt bổ sung gói thầu “Cung cấp phần mềm quản lý kiểm kê vật tư thiết bị bằng QR CODE tích hợp ERP” vào danh mục mua sắm tài sản cố định năm 2022	100%
68	80/NQ-HĐQT	08/9/2022	Nghị quyết về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 4: Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán hạng mục “Ống piezometer đo đường bão hòa thấm trong thân đập Hàm Thuận và Đa Mi” Thuộc các gói thầu mua sắm tài sản cố định năm 2022 (đợt 1)	100%
69	82/NQ-HĐQT	28/9/2022	Nghị quyết Hội đồng quản trị - Phiên họp lần 10 năm 2022	100%
70	83/NQ-HĐQT	07/10/2022	Nghị quyết về việc thuê tư vấn lập Báo cáo đánh giá việc chuyển đổi lãi suất phần trả nổi của Thỏa thuận vay ADB cho Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	100%
71	84/QĐ-HĐQT	12/10/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cung cấp máy móc, thiết bị các loại Thuộc các gói thầu mua sắm tài sản cố định năm 2022 (đợt 1)	100%
72	85/NQ-HĐQT	24/10/2022	Nghị quyết về việc bổ nhiệm lại chức danh Phó Tổng giám đốc	100%
73	86/QĐ-HĐQT	27/10/2022	Quyết định về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật Gói thầu: Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán hạng mục	100%

			“Cửa van sửa chữa đập tràn Đơn Dương”, thuộc các gói thầu mua sắm tài sản cố định năm 2022	
74	87/QĐ-HĐQT	07/11/2022	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán hoàn thành toàn bộ Dự án nhà máy y điện mặt trời Đa Mi	100%
75	88/QĐ-HĐQT	08/11/2022	Quyết định về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng nghiệm thu cấp Chủ đầu tư Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	100%
76	89/NQ-HĐQT	09/11/2022	Nghị quyết về việc thông qua danh mục sử dụng vốn SXKD năm 2023 triển khai thực hiện lựa chọn nhà thầu trong Quý IV năm 2022	100%
77	90/QĐ-HĐQT	11/11/2022	Quyết định về việc thành lập Tổ Thẩm tra Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	100%
78	91/NQ-HĐQT	11/11/2022	Nghị quyết về việc thông qua chủ trương thực hiện hạng mục “Xử lý xói ngầm qua hệ thống thoát nước ngầm vai phải đập tràn Đơn Dương”	100%
79	92/NQ-HĐQT	16/11/2022	Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý tài chính	100%
80	93/NQ-HĐQT	22/11/2022	Nghị quyết về việc phê duyệt danh mục, phương án kỹ thuật và phương án sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2023 Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
81	94/NQ-HĐQT	23/11/2022	Nghị quyết về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật Gói thầu số 4: Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán hạng mục “Ổng piezometer đo đường bão hòa thấm trong thân đập Hàm Thuận và Đa Mi”, thuộc các gói thầu mua sắm tài sản cố định năm 2022 (đợt 1)	100%
82	95/QĐ-HĐQT	23/11/2022	Quyết định về việc ban hành lần 3 Quy chế quản lý tài chính	100%
83	96/NQ-HĐQT	24/11/2022	Nghị quyết về việc thông qua ban hành lần 2 Quy chế phân cấp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám	100%

			độc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	
84	97/NQ-HĐQT	29/11/2022	Nghị quyết về việc phê duyệt Mô hình tổ chức và hoạt động quản trị rủi ro tại Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
85	98/QĐ-HĐQT	29/11/2022	Quyết định về việc ban hành Quy chế phân cấp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
86	99/NQ-HĐQT	29/11/2022	Nghị quyết về việc ban hành Quy chế sử dụng Quỹ phúc lợi	100%
87	100/NQ-HĐQT	15/12/2022	Nghị quyết về việc ký kết các hợp đồng với Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	100%
88	101/NQ-HĐQT	20/12/2022	Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	100%
89	102/NQ-HĐQT	21/12/2022	Nghị quyết về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Trưởng phòng Kỹ thuật và An toàn	100%
90	103/NQ-HĐQT	22/12/2022	Nghị quyết về việc thông qua dự thảo Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01 Hợp đồng số 39/2022/HĐ-TĐĐHĐ-LDTALB	100%
91	104/NQ-HĐQT	23/12/2022	Nghị quyết về việc bổ nhiệm lại chức vụ Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật	100%
92	105/NQ-HĐQT	28/12/2022	Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính - đầu tư xây dựng năm 2023 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
93	106/NQ-HĐQT	28/12/2022	Nghị quyết về việc ban hành Quy định quản trị rủi ro tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
94	107/NQ-HĐQT	28/12/2022	Nghị quyết thông qua chủ trương bán chứng chỉ năng lượng tái tạo	100%
95	108/NQ-HĐQT	29/12/2022	Nghị quyết về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Tư	100%

			vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán hạng mục “Cửa van sửa chữa đập tràn Đơn Dương” Thuộc nguồn vốn mua sắm tài sản cố định năm 2022 (đợt 1)	
96	109/NQ-HĐQT	30/12/2022	Nghị quyết về việc thông qua dự thảo Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01 Hợp đồng số 470/2021/HĐ-TĐĐHĐ-SGBM	100%

BÁO CÁO

Về việc hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2021;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ban hành lần 2 năm 2021.

Ban Kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tình hình hoạt động, kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. Giới thiệu về Công ty

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi là đơn vị quản lý vận hành các nhà máy điện gồm nhà máy thủy điện Đa Nhim, Đa Nhim mở rộng, Sông pha, Hàm Thuận và Đa Mi với tổng công suất lắp đặt 722,5MW và Nhà máy điện mặt trời Đa Mi với công suất lắp đặt 47,5MWp. Một số thông tin chính của Công ty:

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI.

- Tên tiếng Anh: DA NHIM - HAM THUAN - DA MI HYDRO POWER JOINT STOCK COMPANY.

- Tên viết tắt: EVNHPCDHD.

- Mã chứng khoán: DNH, giao dịch trên sàn giao dịch Upcom.

- Vốn điều lệ: 4.224.000.000.000 đồng.

- Số lượng phát hành: 422.400.000 cổ phiếu.

- Cổ đông lớn: Tổng công ty Phát điện 1 (EVNGENCO1) chiếm 99,93%.

- Tổng số lao động Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 247 người.

2. Ban Kiểm soát

Thành phần Ban Kiểm soát của Công ty trong năm 2022 gồm có:

- Ông Nguyễn Đăng Dung Trưởng Ban kiểm soát

- Ông Hoàng Văn Long Thành viên Ban Kiểm soát (đến ngày 25/5/2022)
- Ông Đặng Văn Minh Thành viên Ban Kiểm soát (từ ngày 25/5/2022)
- Ông Phạm Viết Kỳ Thành viên Ban Kiểm soát

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã triển khai làm việc theo kế hoạch với tinh thần làm việc trung thực, cẩn trọng, khách quan, vì lợi ích của Công ty và các cổ đông, tuân thủ đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

Ban kiểm soát đã tổ chức 03 đợt kiểm soát để rà soát các hoạt động của Công ty trong năm 2022 như sau:

Đợt kiểm soát	Thời gian	Nội dung
Đợt 1-Năm 2022	Từ ngày 16/8/2022 đến ngày 19/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thực hiện trong 06 tháng đầu năm 2022. - Tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định trong 06 tháng đầu năm 2022. - Thẩm tra báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2022 của Công ty. - Các nội dung khác về tình hình các hoạt động Công ty.
Đợt 2-Năm 2022	Từ ngày 19/12/2022 đến ngày 03/12/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát quản lý doanh thu, chi phí của Công ty. - Kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông thông qua. - Kiểm soát Công ty con đến thời điểm kiểm tra. - Các nội dung khác về hoạt động của Công ty.
Đợt 3-Năm 2022	Từ ngày 28/02/2023 đến ngày 03/3/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022. - Kiểm soát công tác quản lý chi phí, công nợ của Công ty năm 2022. - Thẩm tra báo cáo tài chính năm 2022. - Kiểm soát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty năm 2022.

Đợt kiểm soát	Thời gian	Nội dung
		- Kiểm soát các nội dung khác về hoạt động của Công ty.

Ngoài các đợt kiểm soát định kỳ như trên, Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị; xem xét tài liệu, đóng góp ý kiến vào các vấn đề Hội đồng quản trị đưa ra bàn bạc; thường xuyên theo dõi công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành các hoạt của Công ty của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.

2. Kết quả kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động của Công ty

2.1. Công tác quản lý chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh

a) Về quản lý chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2022, tổng chi phí thực hiện của hoạt động sản xuất kinh doanh (không bao gồm lỗ /lãi chênh lệch tỷ giá) của Công ty tăng 73.650 triệu đồng tương ứng tăng 7% so với kế hoạch chủ yếu đến từ chi phí thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và tiền lương thực hiện tăng do sản lượng điện, doanh thu và lợi nhuận tăng so với kế hoạch.

Mặc dù chi phí thực hiện năm 2022 có tăng so với kế hoạch nhưng nhìn chung phù hợp với tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

b) Về chi phí O&M và giá thành sản xuất điện

Chi phí O&M và giá thành sản xuất điện thực hiện trong năm như sau:

- Chi phí O&M theo số liệu kế hoạch năm 2022 là 320Tr.đ/MW, thực hiện là 326Tr.đ/MW tương đương 101,8% giá trị theo kế hoạch.

- Giá thành điện năng bình quân trong năm 2022 theo số liệu kế hoạch là 440đồng/kWh, thực hiện là 325 đồng/kWh thấp hơn kế hoạch.

c) Về công tác đấu thầu

- Công tác lựa chọn nhà thầu về cơ bản đảm bảo các tiêu chí cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế; phần lớn đảm bảo tiến độ yêu cầu công tác sửa chữa lớn, sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên và hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung.

- Công ty thực hiện tốt công tác tiết kiệm trong đấu thầu thông qua các hình thức đấu thầu rộng rãi và chào hàng cạnh tranh và đạt các chỉ tiêu đấu thầu rộng rãi/chào hàng cạnh tranh qua mạng. Phần lớn giá trị hợp đồng đều thấp hơn dự toán/giá gói thầu và không có gói thầu nào bị phát sinh vượt dự toán/giá gói thầu.

2.2. Công tác sản xuất điện

a) Sản lượng điện

Kết quả thực hiện chỉ tiêu sản xuất điện thực hiện năm 2022 được như sau:

Đơn vị: Triệu Kwh

STT	Nội dung	KH 2022	TH 2022	TH/KH (%)
1	Sản lượng điện sản xuất	2.463,0	3.105,5	126
a)	Thủy điện	2.400,3	3.039,4	127
b)	Điện mặt trời	62,7	66,1	105
2	Điện từ dùng	20	22,9	109
3	Sản lượng điện thương phẩm	2.442,8	3.083,7	126
a)	Thủy điện	2.380,6	3.018,2	127
b)	Điện mặt trời	62,2	65,5	105

b) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Căn cứ vào sản lượng điện sản xuất, sản lượng điện giao, sản lượng điện nhận; thời gian ngừng máy bảo dưỡng sửa chữa theo kế hoạch và thời gian ngừng máy sự cố của các nhà máy thủy điện thực hiện trong năm, kết quả thực hiện chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật thực hiện năm 2022 các nhà máy thủy điện của Công ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	KH 2022	TH 2022	Kết quả
1	Tỉ lệ điện tự dùng (%)	≤ 0,84	0,7153	Đạt
2	Hệ số khả dụng (%)	≥ 95,64	95,9738	Đạt
3	Tỉ lệ ngừng máy do sự cố (%)	≤ 0,50	0,2599	Đạt
4	Tỉ lệ dừng máy bảo dưỡng (%)	≤ 3,86	3,7663	Đạt

Ghi chú: Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật thực hiện ở trên không tính đến nhà máy điện mặt trời Đa Mi

c) Về các sự cố thiết bị

Trong năm 2022 tại Công ty xảy ra 2 sự cố thiết bị dẫn đến ngừng máy như sau:

- Ngày 23 tháng 4 năm 2022 xảy ra 01 sự cố máy biến áp chính 1T tại Nhà máy thủy điện Đa Mi. Nguyên nhân sự cố là do phóng điện cuộn dây 230kV pha A bên trong máy biến áp. Sự cố máy biến áp chính 1T của Nhà máy Thủy điện Đa Mi kết hợp với công tác bảo dưỡng tổ máy H1 có tổng thời gian ngừng hoạt động tổ máy H1 của Nhà máy Thủy điện Đa Mi khoảng 64 ngày.

- Ngày 23 tháng 7 năm 2022 xảy ra 01 sự cố do hệ thống rơ le bảo vệ máy biến áp chính 2T tại Nhà máy thủy điện Đa Mi tác động. Nguyên nhân do ảnh hưởng của các sự cố trên hệ thống gây ra sự tác động không chính xác của các rơ le bảo vệ máy biến áp. Thời gian ngừng máy sự cố khoảng 13 giờ.

d) Về công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường

Trong năm 2022 công tác an toàn, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường tại công ty được đảm bảo. Không xảy ra các tai nạn lao động, các sự cố cháy nổ và môi trường.

2.3. Công tác sửa chữa lớn

- Kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định của năm 2022 bao gồm 12 hạng mục công trình, trong đó: 01 hạng mục đăng ký thực hiện 02 năm 2021-2022; 01 hạng mục đăng ký thực hiện 02 năm 2022-2023 và 10 hạng mục đăng ký mới. Tổng giá trị thực hiện theo kế hoạch là 58.425 triệu đồng.

- Thực hiện các hạng mục sửa chữa lớn tài sản cố định trong năm đã hoàn thành 100% và các hạng mục được triển khai phù hợp theo kế hoạch. Tổng giá trị thực hiện là 55.959 triệu đồng. Giá trị thực hiện thấp hơn kế hoạch chủ yếu do tiết giảm trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

2.4. Công tác mua sắm tài sản cố định

- Mua sắm bằng nguồn vốn Đầu tư phát triển: Theo kế hoạch năm 2022, Công ty đăng ký thực hiện 21 hạng mục (trong đó có 01 hạng mục bổ sung do chuyển từ nguồn vốn SXKD sang nguồn vốn ĐTPT) với tổng giá trị kế hoạch là 35.638 triệu đồng. Thực hiện trong năm là 8.321 triệu đồng, đạt 23% so với kế hoạch. Tiến độ thực hiện bị chậm trễ so với kế hoạch do công tác thực hiện giai đoạn chuẩn bị lựa chọn nhà thầu kéo dài; các hạng mục mua sắm tài sản cố định phải thực hiện theo quy trình đầu tư xây dựng, lựa chọn tư vấn lập Báo cáo Kinh tế-Kỹ thuật, trong năm 2022 chỉ thực hiện giải ngân cho chi phí tư vấn lập Báo cáo Kinh tế-Kỹ thuật.

- Mua sắm bằng nguồn vốn khấu hao cơ bản: Theo kế hoạch, Công ty đăng ký thực hiện 01 hạng mục mua sắm 2 máy biến áp chính Nhà máy Thủy điện Đa Mi với tổng giá trị kế hoạch giải ngân là 16.143 triệu đồng. Tuy nhiên, quá trình lựa chọn nhà thầu và ký kết Hợp đồng chưa hoàn thành trong năm, chậm so với kế hoạch nên chưa có giá trị giải ngân tạm ứng hợp đồng theo kế hoạch.

2.5. Công tác đầu tư xây dựng dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim

- Công ty tiếp tục phối hợp với cấp thẩm quyền và các nhà thầu để xử lý các tồn tại của dự án như là xin điều chỉnh thời gian thực hiện dự án và điều chỉnh một số nội dung quyết định đầu tư của Dự án lên các cấp thẩm quyền; xác định nguyên nhân trách nhiệm liên quan của các bên về việc chậm tiến độ thi công.

- Dự án đã được kiểm toán nhà nước thực hiện công tác kiểm toán từ ngày 15 tháng 8 năm 2022 đến ngày 03 tháng 10 năm 2022.

- Công tác lập Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành chậm so với Quy định, hiện chưa hoàn thành.

2.6. Công tác sử dụng lao động

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số lao động Công ty là 247 người (bao gồm người quản lý), giảm 03 người so với số lao động tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, bao gồm tăng 03 người (02 người tuyển mới và 01 người điều động nội bộ trong Tổng công ty) và giảm 06 người (01 người chết, 02 người nghỉ chế độ hưu trí và 03 người lao động chấm dứt Hợp đồng lao động theo nguyện vọng).

Năm 2022, Công ty có thực hiện việc luân chuyển cán bộ nhằm nâng cao năng lực công tác và sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ; chú trọng công tác đào tạo và tạo điều kiện để cán bộ trẻ, có triển vọng, cán bộ trong quy hoạch được rèn luyện, thử thách trong thực tiễn và từng bước điều chỉnh việc bố trí cán bộ hợp lý hơn.

2.7. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông năm 2022 đã ban hành Nghị quyết số 546/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 để thông qua một số nội dung. Kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

a) Về thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh như sau:

STT	Nội dung	KH 2022	TH 2022	TH/KH
I	SẢN LƯỢNG ĐIỆN			
1	Sản lượng điện sản xuất (Tr.kWh)	2.463	3.105	126%
2	Sản lượng điện thương phẩm (Tr.kWh)	2.443	3.084	126%
II	TỔNG DOANH THU	2.191.059	2.890.738	132%
1	DT HĐ SXKD chính bao gồm lãi tiền gửi	2.170.075	2.754.641	127%
2	DT hoạt động tài chính (bao gồm phần lãi CLTG)	14.084	103.723	737%
3	DT khác	6.900	32.375	469%
III	TỔNG CHI PHÍ	1.079.983	1.088.513	100.8%
1	CP HĐ sản xuất điện bao gồm các khoản làm giảm giá điện	1.073.773	1,073,077	100%
a	Chi phí sản xuất điện	998.816	1.072.466	107%
b	Phần lỗ chênh lệch tỷ giá	74.957	611	
2	CP HĐ tài chính			
3	CP khác	6.210	15.437	249%
IV	TỔNG LN TRƯỚC THUẾ	1.111.076	1.802.225	162%
1	LN HĐ SXKD điện	1.096.302	1.681.564	153%
2	LN HĐ tài chính	14.084	103.723	736%
3	LN khác	690	16.938	2455%
V	THUẾ TNDN	222.215	322.105	145%

STT	Nội dung	KH 2022	TH 2022	TH/KH
VI	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	888.861	1.480.120	167%

Ghi chú: Phần lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và do đánh giá lại được tính vào doanh thu tài chính; phần lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện được tính vào chi phí.

Trong năm 2022 tuy gặp nhiều khó khăn nhưng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đạt kết quả như trên cho thấy sự nỗ lực rất lớn của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và người lao động trong các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty.

b) Về thực hiện kế hoạch ĐTXD, mua sắm TSCĐ

Kết quả thực hiện kế hoạch ĐTXD, mua sắm TSCĐ trong năm 2022 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Dự án/Hạng mục	KH 2022	TH 2022	TH/KH
1	Đầu tư xây dựng	44.134	12.955	29%
2	Đầu tư phát triển bằng vốn ĐTPT	35.638	8.321	23%
3	Đầu tư phát triển bằng vốn KHCB	16.143	-	0%

Theo kết quả thực hiện như trên, kế hoạch ĐTXD, mua sắm TSCĐ thực hiện còn thấp, cụ thể như sau:

- Đối với công tác đầu tư xây dựng, giá trị thực hiện giải ngân thấp so với kế hoạch là do chưa thanh toán chi phí Tư vấn giám sát thực hiện trong giai đoạn thi công khoan nổ tương đương 26.127 triệu đồng do Bộ Công thương đang xem xét chấp thuận điều chỉnh tiến độ, điều chỉnh Dự án và chấp thuận chủ trương điều chỉnh Hợp đồng Tư vấn Giám sát và một số chi phí tư vấn, bảo hiểm và thuế chưa thực hiện như kế hoạch.

- Đối với hạng mục đầu tư phát triển bằng vốn KHCB mua sắm Máy biến áp chính nhà máy thủy điện Đa Mi do công tác lựa chọn nhà thầu chậm trễ, chưa ký kết được hợp đồng trong năm 2022.

- Đối với hạng mục đầu tư phát triển bằng vốn ĐTPT, bên cạnh công tác lựa chọn ký kết hợp đồng của hệ thống giám sát Máy biến áp chính nhà máy thủy điện Đa Mi bị chậm trễ, các hạng mục mua sắm TSCĐ khác thực hiện theo quy trình đầu tư xây dựng nên cần lựa chọn tư vấn lập Báo cáo kinh tế-kỹ thuật. Kết quả là trong năm 2022 chỉ thực hiện và giải ngân cho chi phí tư vấn lập Báo cáo kinh tế-kỹ thuật.

c) Thực hiện phân phối lợi nhuận

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc phân phối lợi nhuận của năm 2021, Công ty đã triển khai công tác chi trả cổ tức và thực hiện trích lập các quỹ theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, cụ thể như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	KH 2022 (ĐHĐCĐ TN 2022)	Kết quả TH năm 2022
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	1.333.992	
	<i>Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	106.503	
2	Lợi nhuận năm trước để lại	338.159	
3	Phân phối lợi nhuận 2022		
a	Lợi nhuận 2021 được phân phối	1.672.150	1.672.150
	<i>Trong đó lãi CLTG lũy kế</i>	438.769	
b	Cổ tức (35%)	1.478.400	1.478.400
	<i>Trong đó đã tạm ứng 14%</i>	591.360	
c	Quỹ Đầu tư phát triển	-	-
d	Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	654	654
e	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	20.158	20.158
f	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích thêm theo điểm a, b khoản 1 Điều 18 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016	13.439	13.439
9	Lợi nhuận để lại	159.499	159.499

d) Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Trên cơ sở Công ty kiểm toán TNHH KPMG được Ban kiểm soát đề xuất và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua, Công ty đã lựa chọn Công ty kiểm toán TNHH KPMG là đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2022.

e) Công tác tiền lương, thù lao của Chủ tịch HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2022

Trên cơ sở kế hoạch tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị và tiền lương, thù lao của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2022 thông qua, Công ty đã thực hiện chi trả mức tiền lương, thù lao như sau:

- Tiền lương, thù lao theo kế hoạch: 2.231.256 nghìn đồng

- Tiền lương, thù lao thực hiện: 2.336.372 nghìn đồng

Thực hiện tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị và tiền lương, thù lao của Ban Kiểm soát năm 2022 cao hơn kế hoạch chủ yếu là do lợi nhuận, hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2022 đạt kết quả cao.

3. Về sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với HĐQT và Ban Tổng giám đốc

Ban kiểm soát đã có sự phối hợp tốt với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty, cụ thể như sau:

- Ban Kiểm soát đã được mời tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty.

- Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp giao ban tháng và các cuộc họp quan trọng khác của Ban điều hành Công ty; được tham gia ý kiến về tất cả các vấn đề liên quan đến công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban điều hành.

- Ban Kiểm soát nhận được các tài liệu, thông tin theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty (về quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát): Các Phiếu lấy ý kiến, tờ trình Hội đồng quản trị, các Biên bản họp, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty, các báo cáo/thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty đều được cung cấp cho Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Hội đồng quản trị.

4. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2022, mặc dù còn khó khăn nhưng Hội đồng quản trị đã lãnh đạo, chỉ đạo điều hành các hoạt động Công ty hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch của năm 2022. Một số hoạt động chủ yếu của Hội đồng quản trị trong năm 2022 như sau:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông bất thường và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 với các thủ tục có liên quan đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các quy định tại Điều lệ Công ty, quy định về quản trị Doanh nghiệp.

+ Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 tổ chức ngày 28/02/2022 tại trụ sở chính Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận -Đa Mi. Nội dung của đại hội gồm thông qua miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Trọng Oánh và bầu bổ sung ông Đặng Văn Cường làm thành viên Hội đồng quản trị.

+ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tổ chức ngày 25/5/2022 tại trụ sở chính Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận -Đa Mi.

- Tại phiên họp Hội đồng quản trị lần 1 vào ngày 28 tháng 2 năm 2022, Hội đồng quản trị đã biểu quyết thông qua bầu ông Lê Văn Quang giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

- Tại phiên họp Hội đồng quản trị lần 2 vào ngày 01 tháng 3 năm 2022, Hội đồng quản trị đã biểu quyết thông qua miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc đối với ông Lê Văn Quang và giao ông Đỗ Minh Lộc - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty thực hiện quyền Tổng giám đốc Công ty.

- Tại phiên họp Hội đồng quản trị lần 6 vào ngày 06 tháng 7 năm 2022, Hội đồng quản trị đã biểu quyết thông qua thôi nhiệm vụ quyền Tổng giám đốc đối với ông Đỗ Minh Lộc và bổ nhiệm ông Đặng Văn Cường - Thành viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty.

- Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp

định kỳ hàng quý. Hội đồng quản trị đã tổ chức tổng cộng 10 phiên họp và ban hành 58 Nghị quyết và 38 Quyết định để giải quyết các nội dung công việc theo thẩm quyền, chỉ đạo, định hướng Ban điều hành thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ theo phương hướng Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Ngoài các cuộc họp thường kỳ, Hội đồng quản trị đã thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định để giải quyết các nội dung công việc theo thẩm quyền. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều có sự tham gia của Ban Kiểm soát. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cũng như việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hợp pháp, hợp lệ.

- Hội đồng quản trị đã giám sát, chỉ đạo chặt chẽ và điều hành linh hoạt, kịp thời các hoạt động của Ban điều hành, cụ thể hoá triển khai có hiệu quả theo nội dung các Nghị quyết đảm bảo lợi ích của Công ty và của các cổ đông. Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty theo đúng chức năng, thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Ban kiểm soát nhận thấy trong các hoạt động của năm 2022, Hội đồng quản trị chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy định và quy chế quản lý liên quan, v.v..., đáp ứng yêu cầu quản lý điều hành hoạt động của Công ty.

5. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Trong năm 2022, Ban Giám đốc và đội ngũ cán bộ quản lý đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong việc tổ chức triển khai thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh và đạt hiệu quả cao. Bên cạnh đó, Ban Tổng giám đốc cũng luôn chủ động, linh hoạt thực hiện các biện pháp hữu hiệu nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty. Dưới sự điều hành của Ban Tổng giám đốc, kết quả đạt được như sau:

- Hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai các hoạt động SXKD phù hợp với các quy chế quản lý có liên quan, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật.

Nhìn chung, trong năm 2022 Ban Tổng giám đốc đã quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

III. KẾT QUẢ THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

1. Đánh giá chung

a) Ý kiến của Kiểm toán viên độc lập - Công ty TNHH KPMG

- Theo ý kiến của Kiểm toán viên độc lập - Công ty TNHH KPMG, Báo cáo tài chính riêng và báo cáo Hợp nhất năm 2022 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tại ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước

hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm.

- Kiểm toán viên độc lập - Công ty TNHH KPMG không có ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022.

b) Ý kiến của Ban Kiểm soát

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Công ty đã được lập theo quy định của chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam. Số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát thống nhất với ý kiến của kiểm toán.

3.2. Một số số chỉ tiêu bảng cân đối kế toán của Báo cáo tài chính năm 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	CÔNG TY MẸ		HỢP NHẤT	
		Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm
I	TÀI SẢN, NGUỒN VỐN				
1	Tổng tài sản	8.588.333	8.256.583	8.958.687	8.611.126
a	Tài sản ngắn hạn	2.135.569	2.204.000	2.170.241	2.232.453
b	Tài sản dài hạn	6.452.764	6.052.583	6.788.446	6.378.673
2	Tổng nguồn vốn	8.588.333	8.256.583	8.958.687	8.611.126
a	Nợ phải trả	2.173.243	1.874.024	2.451.902	2.118.248
	- Nợ ngắn hạn	510.510	517.904	536.295	547.694
	- Nợ dài hạn	1.662.733	1.356.120	1.915.607	1.570.554
b	Vốn chủ sở hữu	6.415.090	6.382.559	6.506.785	6.492.878
II	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	2.625.878	2.890.738	2.728.697	2.979.345
2	Tổng chi phí	1.015.814	1.088.513	1.079.164	1.151.805
3	Lợi nhuận sau thuế	1.333.992	1.480.120	1.373.152	1.504.537

3.3. Các chỉ tiêu tài chính và hiệu quả sử dụng vốn

STT	Chỉ tiêu	CÔNG TY MẸ		HỢP NHẤT	
		Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm
1	Cơ cấu tài sản, nguồn vốn				
a	Vốn CSH/Tổng nguồn vốn	75%	77%	73%	75%
b	Nợ phải trả/Vốn CSH (lần)	0,34	0,29	0,38	0,33
c	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	25%	23%	27%	25%
d	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	25%	27%	24%	26%
e	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	75%	73%	76%	74%
2	Khả năng thanh toán				
a	Hệ số khả năng thanh toán nhanh (lần)	3,0	3,1	2,87	2,94
b	Hệ số khả năng thanh toán tổng quát (lần)	4,0	4,4	3,7	4,1
c	Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn (lần)	4,2	4,3	4,0	4,1
3	Hiệu quả sử dụng vốn	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022
a	Doanh thu trên tổng vốn	31%	35%	30%	34%
b	Lợi nhuận sau thuế trên bình quân tổng tài sản (ROA)	16%	18%	16%	17%
c	Lợi nhuận sau thuế trên bình quân vốn CSH (ROE)	22%	23%	22%	23%

Trên cơ sở các chỉ tiêu nguồn vốn, tài sản, doanh thu, lợi nhuận và các chỉ tiêu tài chính của Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Kiểm soát nhận thấy tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, đảm bảo khả năng trả nợ, bảo toàn và phát triển nguồn vốn. Ban Kiểm soát thống nhất với Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.

IV. MỘT SỐ TÒN TẠI, KHÓ KHĂN

1. Công tác sản xuất kinh doanh

- Hệ thống công trình, tổ máy phát điện, thiết bị còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ra sự cố, vẫn còn nhiều hiện tượng bất thường đối với hệ thống thiết bị, công trình và có nguy cơ ảnh hưởng đến công tác vận hành, sản xuất của Công ty.

- Do ảnh hưởng của nguồn năng lượng tái tạo đã gây quá tải lưới điện truyền tải khu vực Ninh Thuận làm hạn chế việc huy động của NMTĐ Đa Nhim. Các tổ máy thường xuyên phải giảm tải và ngừng để dự phòng vào khung giờ từ 09 giờ 00 đến 15 giờ 00 hằng ngày.

2. Công tác mua sắm, sửa chữa tài sản cố định

- Công tác lựa chọn nhà thầu của một số gói thầu mua sắm tài sản cố định năm 2022 còn chậm so với kế hoạch do quá trình thực hiện qua trình tự thủ tục nhiều bước dẫn đến chậm trễ thời gian trong công tác lựa chọn nhà thầu.

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, một số gói thầu có thời gian thực hiện Hợp đồng của nhà thầu bị kéo dài do chính sách “Zero Covid” của các nước và chiến tranh Nga-UKraine ảnh hưởng đến việc mua sắm và cung ứng vật tư, thiết bị.

3. Công tác đầu tư xây dựng Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim

- Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim bị sụt trượt vách đường hầm nên kéo dài tiến độ hoàn thành, làm phát sinh một số chi phí liên quan nên phải thực hiện các thủ tục xin cấp thẩm quyền để điều chỉnh tiến độ, cơ cấu nguồn vốn nên chưa thực hiện giải ngân một số hạng mục theo kế hoạch.

- Chưa thống nhất với Nhà thầu CC47 nguyên nhân trách nhiệm liên quan của các bên về việc chậm tiến độ thi công.

- Công tác lập Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành chậm so với Quy định.

- Kiểm toán nhà nước thực hiện công tác kiểm toán dự án từ ngày 15 tháng 8 năm 2022 đến ngày 03 tháng 10 năm 2022. Công ty đang thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nhà nước.

V. KIẾN NGHỊ

1. Về công tác sản xuất sản xuất kinh doanh: Tiếp tục xem xét thực hiện sửa chữa, nâng cấp, thay thế thiết bị, công trình có hiện tượng bất thường và nguy cơ xảy ra sự cố đảm bảo hệ thống thiết bị, tổ máy và công trình vận hành an toàn, ổn định có độ tin cậy cao.

2. Về công tác sửa chữa lớn và mua sắm tài sản cố định: Tiếp tục nâng cao công tác kiểm tra, giám sát trong công tác đấu thầu và thực hiện hợp đồng nhằm hạn chế các sai sót; đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và tiến độ thực hiện đáp ứng các yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh; tuân thủ các quy định pháp luật và các quy chế quản lý có liên quan.

3. Về Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim

- Tiếp tục phối hợp với các cấp thẩm quyền, Tư vấn giám sát và nhà thầu xử lý các tồn tại của dự án tuân thủ theo quy định, xác định nguyên nhân và trách nhiệm của các bên về chậm tiến độ thi công đường hầm.

- Phối hợp với các nhà thầu để giải quyết các tồn tại sớm quyết toán dự án hoàn

thành dự án.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Căn cứ vào kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban Kiểm soát đề ra phương hướng hoạt động năm 2023 như sau:

1. Tiếp tục triển khai các công tác kiểm soát định kỳ và đột xuất theo chương trình, kế hoạch đề ra và thay mặt cổ đông thường xuyên kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

2. Giám sát việc chấp hành Quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định có liên quan đến hoạt động của Công ty.

3. Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch sửa chữa lớn, kế hoạch đầu tư, v.v... được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Thẩm tra báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty.

5. Giám sát việc công bố thông tin, đảm bảo đầy đủ, kịp thời cho cổ đông và các bên có liên quan.

6. Kiểm tra, kiểm soát đột xuất theo chuyên đề khi có ý kiến yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm soát năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát, xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- EVNGENCO1(để b/c);
- KSV EVNGENCO1;
- Các Ban: TH EVNGENCO1, KTGS EVNGENCO1;
- HĐQT, TGD, P.TGD Công ty;
- TV BKS;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Đăng Dung

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2021;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ban hành lần 2 năm 2021.

Thực hiện theo Nghị quyết số 546/NQ-DHĐCĐ ngày 25/5/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Công ty đã chọn Công ty TNHH KPMG kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.

Năm 2023, chưa có đủ thông tin để lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023. Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty thuộc nhóm Big Four theo yêu cầu của bên tài trợ vốn các dự án đầu tư xây dựng và nằm trong danh sách tổ chức kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- EVNGENCO1 (dề b/c);
- HĐQT, TGD, PTGD Công ty;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Đăng Dung

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2021;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo các chỉ số cơ bản của báo cáo tài chính năm 2022 như sau:

I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

1. Các chỉ tiêu cơ bản của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
1	Tài sản ngắn hạn	2.135.569	2.204.000
2	Tài sản dài hạn	6.452.764	6.052.583
	Tổng cộng tài sản	8.588.333	8.256.583
3	Nợ phải trả	2.173.243	1.874.024
4	Nguồn vốn chủ sở hữu	6.415.090	6.382.559
	Tổng cộng nguồn vốn	8.588.333	8.256.583

2. Các chỉ tiêu cơ bản của Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2022

- Tổng doanh thu: 2.890.738 triệu đồng.
- Tổng chi phí: 1.088.513 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 1.802.225 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 1.480.120 triệu đồng.

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Các chỉ tiêu cơ bản của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
1	Tài sản ngắn hạn	2.170.241	2.232.453
2	Tài sản dài hạn	6.788.446	6.378.673
	Tổng cộng tài sản	8.958.687	8.611.126
3	Nợ phải trả	2.451.902	2.118.248
4	Nguồn vốn chủ sở hữu	6.452.114	6.435.641
5	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	54.671	57.237
	Tổng cộng nguồn vốn	8.958.687	8.611.126

2. Các chỉ tiêu cơ bản của Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2022

- Tổng doanh thu: 2.979.345 triệu đồng.
- Tổng chi phí: 1.151.805 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 1.827.540 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 1.504.537 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát: 7.664 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ: 1.496.873 triệu đồng.

Chi tiết trình bày tại Báo cáo tài chính đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- HCLĐ;
- Lưu: VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Quang

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2021;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội về phương án phân phối lợi nhuận năm 2022, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
I	TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ PHÂN PHỐI	1.639.619.209.453
	<i>Trong đó: Lãi chênh lệch tỷ giá lũy kế</i>	<i>174.682.968.849</i>
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2022	1.480.119.996.638
	<i>Trong đó: Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>68.180.248.328</i>
2	Lợi nhuận năm trước để lại	159.499.212.815
	<i>Trong đó: Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>106.502.968.849</i>
II	PHÂN PHỐI CÁC QUỸ	51.747.906.000
1	Quỹ Đầu tư phát triển	0
2	Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	685.506.000
3	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	25.531.200.000
4	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích thêm theo Điểm a, b khoản 1 Điều 18 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016	25.531.200.000

III	LỢI NHUẬN CÒN LẠI SAU KHI TRÍCH CÁC QUỸ	1.587.871.303.453
1	Tỷ lệ cổ tức	34%
2	Cổ tức	1.436.160.000.000
	<i>Trong đó đã tạm ứng 20%</i>	<i>844.800.000.000</i>
3	Lợi nhuận để lại (3) = (III)-(2)	151.711.303.453

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- HCLĐ;
- Lưu: VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Quang

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua báo cáo tiền lương thực hiện năm 2022, kế hoạch tiền lương năm 2023 của người quản lý; tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023 HĐQT, Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2021;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua báo cáo tiền lương thực hiện năm 2022, kế hoạch tiền lương năm 2023 của người quản lý; tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023 HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty như sau:

1. Báo cáo tiền lương, thực hiện năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của người quản lý (Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng)

1.1. Tiền lương thực hiện năm 2022

STT	Nội dung	Số người	Thực hiện (đồng)
1	Tiền lương của Tổng giám đốc	1	701.484.130
2	Tiền lương của Phó Tổng giám đốc	2	1.905.267.796
3	Tiền lương của Kế toán trưởng	1	872.772.972
	Tổng cộng		3.479.524.898

Bằng chữ: Ba tỷ bốn trăm bảy mươi chín triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm chín mươi tám đồng.

1.2. Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023

STT	Nội dung	Số người	Kế hoạch (đồng)
1	Tiền lương của Tổng giám đốc	1	1.009.250.736
2	Tiền lương của Phó Tổng giám đốc	2	1.796.982.912
3	Tiền lương của Kế toán trưởng	1	823.246.896
	Tổng cộng		3.629.480.544

Bằng chữ: Ba tỷ sáu trăm hai mươi chín triệu bốn trăm tám mươi nghìn năm trăm bốn mươi bốn đồng.

2. Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

2.1. Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022

STT	Nội dung	Số người	Thực hiện (đồng)
1	Tiền lương Chủ tịch HĐQT	1	1.113.080.600
2	Tiền lương Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách	1	868.385.998
3	Tiền lương Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách (0,14 tháng)	1	11.340.884
4	Thù lao Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách (4,05 tháng)	1	58.616.055
5	Thù lao Trưởng Ban Kiểm soát không chuyên trách	1	181.228.382
6	Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách	1	173.677.200
	Tổng cộng		2.406.329.119

Bằng chữ: Hai tỷ bốn trăm linh sáu triệu ba trăm hai mươi chín nghìn một trăm mười chín đồng.

2.2. Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023

STT	Nội dung	Số người	Kế hoạch (đồng)
1	Tiền lương Chủ tịch HĐQT	1	1.048.980.576
2	Tiền lương Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách	1	816.838.560
3	Thù lao Trưởng Ban Kiểm soát không chuyên trách	1	170.470.656
4	Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách	1	163.367.712
	Tổng cộng		2.199.657.504

Bằng chữ: Hai tỷ một trăm chín mươi chín triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm linh bốn đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023 HĐQT, Ban Kiểm soát./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ TN 2023;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Quang

TỜ TRÌNH
Về việc thay đổi nhân sự thành viên Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (Công ty ĐHD) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2021;

Căn cứ Văn bản số 641/EVNGENCO1-TCNS ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Tổng công ty Phát điện 1 về việc kiện toàn nhân sự tham gia BKS của ĐHD tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023;

Căn cứ Đơn từ nhiệm chức danh Trưởng ban Kiểm soát của ông Nguyễn Đăng Dung;

Hội đồng quản trị Công ty ĐHD kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận thay đổi thành viên Ban Kiểm soát như sau:

- Miễn nhiệm ông Nguyễn Đăng Dung thôi nhiệm vụ Trưởng Ban Kiểm soát.
- Đề cử bà Đinh Hải Ninh - Chuyên viên chính Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính Tổng công ty Phát điện 1 ứng cử chức danh Thành viên Ban Kiểm soát.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Lê Văn Quang